

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRINH VĂN TOÀN

**CÁC TỘI PHẠM TÌNH DỤC
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk)

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

TRỊNH VĂN TOÀN

**CÁC TỘI PHẠM TÌNH DỤC
TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**
(Trên cơ sở số liệu thực tiễn tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk)

Chuyên ngành: Luật hình sự và tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 40

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: PGS. TS. TRỊNH QUỐC TOÀN

HÀ NỘI - 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nghiên cứu trong Luận văn chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong Luận văn đảm bảo tính chính xác, tin cậy và trung thực. Tôi đã hoàn thành tất cả các môn học và đã thanh toán tất cả các nghĩa vụ tài chính theo quy định của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vậy tôi viết lời cam đoan này đề nghị khoa luật xem xét để cho tôi có thể bảo vệ luận văn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Tác giả luận văn

Trịnh Văn Toàn

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa	
Lời cam đoan	
Mục lục	
Danh mục các từ viết tắt	
Danh mục các bảng	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TỘI PHẠM TÌNH DỤC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	8
1.1. Khái niệm và đặc điểm của các tội phạm tình dục trong Luật hình sự Việt Nam	8
1.2. Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam quy định về các tội phạm tình dục từ sau năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999	13
1.2.1. Giai đoạn từ sau năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985.....	14
1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999	21
1.3. Các tội phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	24
1.3.1. Các tội phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga.....	24
1.3.2. Các tội phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.....	26
Chương 2: NHỮNG DẤU HIỆU PHÁP LÝ ĐẶC TRƯNG CỦA CÁC TỘI PHẠM TÌNH DỤC TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ CÁC TỘI PHẠM NÀY TRÊN ĐẠI BÀN TỈNH ĐẮK LẮK TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2014	28
2.1. Những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Việt Nam	28

2.2.	Đường lối xử lý đối với các tội phạm tình dục theo Bộ luật hình sự Việt Nam	32
2.3.	Thực tiễn xét xử các tội phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2014.....	34
2.3.1.	Khái quát tình hình tội phạm nói chung ở tỉnh Đắk Lắk.....	34
2.3.2.	Thực trạng tình hình xét xử các tội phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2014.....	37
2.4.	Một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản	51
2.4.1.	Một số tồn tại, hạn chế.....	51
2.4.2.	Các nguyên nhân cơ bản.....	58
Chương 3: NHU CẦU VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM TÌNH DỤC VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG		65
3.1.	Nhu cầu tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự hiện hành về các tội phạm tình dục và nâng cao hiệu quả áp dụng.....	65
3.2.	Hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội phạm tình dục.....	68
3.3.	Những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội phạm tình dục.....	72
3.3.1.	Tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn các quy định của PLHS liên quan đến các tội phạm tình dục	72
3.3.2.	Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong xét xử các vụ án phạm tội tình dục.....	72
3.3.3.	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với tội phạm về tình dục	76
KẾT LUẬN		78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		80

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
CNXH	: Chủ nghĩa xã hội
DCCH	: Dân chủ cộng hòa
LHS	: Luật hình sự
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Nhân dân tối cao
TNHS	: Trách nhiệm hình sự
TPTD	: Tội phạm tình dục
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa
XHTD	: Xâm hại tình dục

DANH MỤC CÁC BẢNG

<i>Số hiệu bảng</i>	<i>Tên bảng</i>	<i>Trang</i>
Bảng 2.1:	Thống kê án hình sự sơ thẩm từ năm 2009-2014	35
Bảng 2.2:	Thống kê án hình sự sơ thẩm từ năm 2009-2014	36
Bảng 2.3:	Thống kê các vụ án tình dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009- 2014	38
Bảng 2.4:	Thống kê số lượng bị cáo trong các vụ án tình dục từ năm 2009 - 2014	39
Bảng 2.5:	Thống kê độ tuổi của người phạm tội	48

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hơn hai mươi năm qua với những chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước đã thúc đẩy nền kinh tế - xã hội của nước ta phát triển. Đời sống nhân dân ngày được nâng cao rõ rệt. An ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội đang được giữ vững. Cùng với sự phát triển của đất nước nói chung, tình hình kinh tế, văn hóa - xã hội của tỉnh Đắk Lắk nói riêng trong những năm gần đây đã có những bước phát triển đáng kể trên tất cả các mặt.

Tuy nhiên, nhiều mặt trái của xã hội cũng song song tồn tại, đó là sự xuất hiện của nhiều loại tội phạm mới như tội phạm công nghệ cao, tội phạm lan truyền virus HIV..., và một trong những vấn đề mà xã hội đang quan tâm hiện nay là sự gia tăng các tội phạm tình dục.

Theo Báo cáo số 35/BC-BTP về Kết quả tổng kết thực tiễn thi hành Bộ luật hình sự (BLHS) của Bộ Tư pháp ngày 12 tháng 02 năm 2015:

Các hành vi xâm hại phụ nữ và trẻ em cũng có chiều hướng gia tăng, chủ yếu tập trung vào nhóm tội xâm hại tình dục như: hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm, cưỡng dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em hoặc dâm ô với trẻ em. Ngoài ra, tình hình tội phạm cố ý gây thương tích cho phụ nữ là trẻ em (là nạn nhân của những hành vi bạo lực gia đình) cũng đáng báo động. Loại tội phạm mua bán, bắt trộm, đánh tráo trẻ em cũng diễn biến hết sức phức tạp gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nhân phẩm, danh dự, tâm lý của nạn nhân. Người phạm tội thường lợi dụng sự nhẹ dạ của nạn nhân, hứa sẽ tìm việc làm, hứa sẽ trả thu nhập cao để lừa bán nạn nhân ra nước ngoài [3, tr.12].

Đắk Lắk là một tỉnh nằm ở trung tâm Tây nguyên, với 13.125,37 km, dân số gần 1,8 triệu người, có 44 dân tộc cùng đến đây sinh sống mang nhiều bản sắc văn hóa, tập tục khác nhau. Cùng với sự phát triển của các loại hình

giải trí trò chơi, phim ảnh không lành mạnh và cùng với xu thế phát triển của xã hội cho nên tình hình tội phạm trong những năm gần đây ở tỉnh Đắk Lắk có chiều hướng gia tăng, cộng thêm việc dân di cư từ các tỉnh phía bắc vào nên việc quản lý con người cũng rất khó khăn. Là mảnh đất có nhiều bản sắc văn hóa đặc sắc, lịch sử, du lịch được các nơi biết đến, con người ở đây sống hiền lành, chất phát nhưng không có nghĩa là tình hình tội phạm sẽ không xảy ra nhiều. Thực tế mấy năm gần đây tình hình tội phạm nhất là tội phạm tình dục có xu hướng gia tăng trong cả nước nói chung, trong đó có Đắk Lắk nói riêng, chính vì thế đấu tranh chống các tội phạm này trong giai đoạn hiện nay là rất cần thiết nhất là đối với mảnh đất Tây Nguyên đầy nắng, gió này thì càng có ý nghĩa hơn. Do đó, việc xác định đúng tội danh, cũng như xác định đúng ranh giới giữa các vi phạm pháp luật với hành vi phạm tội mới có thể áp dụng pháp luật một cách đúng đắn, khách quan, đầy đủ và chính xác.

Tuy nhiên, thực tiễn xét xử các vụ án hình sự cho thấy, các cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp phải nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc truy cứu TNHS. Việc người phạm tội không thể hiện rõ nét các đặc trưng của yếu tố cấu thành tội phạm của loại tội phạm cụ thể mà lại có nhiều yếu tố của các tội phạm khác nhau. Về vấn đề này, chúng ta có thể thấy rất rõ ở nhóm tội xâm phạm về tình dục, như vừa dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân và dùng mọi thủ đoạn làm cho người bị hại lâm và tình trạng không còn khả năng làm chủ bản thân... Đối với những vụ án thuộc những trường hợp này, đòi hỏi những người tiến hành tố tụng phải có trình độ lý luận cơ bản và vững chắc, trên cơ sở đánh giá, phân tích, tổng hợp từng yếu tố của vụ án, áp dụng các văn bản pháp luật liên quan một cách chính xác thì mới xét xử đúng người, đúng tội.

Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc định tội, đặc biệt là đối

với nhóm tội phạm tình dục. Thời gian gần đây các tội phạm tình dục đang có xu hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, làm ảnh hưởng tới tình hình trị an, xã hội với nhiều thủ đoạn tinh vi từ chủ thể thực hiện tội phạm. BLHS do Nhà nước ban hành quy định các hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm, tuy vậy những quy định này chỉ nêu lên các dấu hiệu đặc trưng cơ bản nhất của một cấu thành tội phạm, trong khi trên thực tế tội phạm xảy ra vô cùng phức tạp và đa dạng. Có khá nhiều trường hợp khi tập hợp các dấu hiệu thực tế của cấu thành tội phạm có những dấu hiệu giống nhau nên thường bị lúng túng gây nhiều tranh cãi trong việc định tội danh của TAND.

Quá trình giải quyết vụ án một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật, đồng thời bảo vệ một cách vững chắc các quyền và tự do của công dân bằng Luật hình sự là một trong những nguyên tắc trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay. Ý thức được tầm quan trọng đó, TAND tỉnh Đắk Lắk không ngừng đẩy nhanh tiến độ, nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án, phấn đấu không để xảy ra việc kết án oan người không có tội và bỏ lọt tội phạm, hạn chế tới mức thấp nhất các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán, đảm bảo các quyết định của Tòa án đúng pháp luật, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, có sức thuyết phục cao và có tính khả thi. Tuy nhiên, trong thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm tình dục vẫn còn tồn tại những thiếu sót, hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do quy định của BLHS còn hạn chế trong công tác đấu tranh phòng chống loại tội phạm này và một số ít trường hợp khi xét xử áp dụng không đúng, chưa xem xét đầy đủ tính chất, mức độ phạm tội nên dẫn đến việc định tội danh thiếu chính xác, việc hủy án, sửa án vẫn còn tồn tại ở các tội phạm tình dục.

Với mong muốn nghiên cứu sâu các quy định của Luật hình sự (LHS) Việt Nam về các tội phạm tình dục và thực tiễn xử lý các tội phạm

này trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, từ đó đề xuất một số biện pháp góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật, góp phần vào công tác đấu tranh, phòng chống các tội phạm này trong giai đoạn hiện nay, tác giả chọn đề tài: ***Các tội phạm tình dục trong Luật hình sự Việt Nam (Trên cơ sở số liệu thực tiễn tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk)***.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Tình hình nghiên cứu về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm tình dục trong thời gian qua có thể phân chia thành các nội dung chủ yếu như sau:

- Về sách giáo trình, sách chuyên khảo có thể kể đến: Sách giáo trình có “*Giáo trình LHS Việt Nam (Phần các tội phạm)*” của Khoa Luật, ĐHQGHN do GS.TSKH. Lê Cẩm chủ biên), Nxb. ĐHQGHN, 2003, “*Giáo trình LHS*” của Trường Đại học Luật Hà Nội do GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa chủ biên, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2000; “*Bình luận khoa học về BLHS Việt Nam năm 1999 - Phần các tội phạm*” của Ths. Đinh Văn Quế, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 2003; Sách chuyên khảo “*Định tội danh: Lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài thực hành*” của GS.TSKH. Lê Cẩm và PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn, Nxb ĐHQGHN, 2011; “*Tội phạm và TNHS*”, của tác giả Trịnh Tiến Việt, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2013; v.v....

- Về đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn thạc sỹ có: “*Xâm hại tình dục trẻ em ở Việt Nam – thực trạng và giải pháp*” của tổ chức ILO năm 1999; “*Tội hiếp dâm theo Luật hình sự Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Văn Thành, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2009...

Ngoài ra, có thể kể đến các bài viết đăng trên tạp chí, trên các báo mạng bàn về vấn đề xâm hại tình dục nói chung nhưng các tác giả trên chưa nghiên cứu một cách chuyên sâu về loại tội phạm này trên địa bàn tỉnh cụ thể, hơn nữa là trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Trong giai đoạn hiện nay, các loại tội phạm này cần được nghiên cứu sâu hơn, nhiều hơn để đáp ứng được công tác

nghiên cứu và xét xử, đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và các tội phạm tình dục nói riêng.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cũng như thực tiễn pháp luật, thực tiễn áp dụng các quy định của LHS Việt Nam liên quan đến các tội phạm tình dục. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về các tội phạm tình dục, luận văn đề xuất các kiến nghị, giải pháp hoàn thiện LHS và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS năm 1999 về các tội phạm này trong thực tiễn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

- Nghiên cứu những vấn đề chung về các tội phạm tình dục theo LHS Việt Nam và đường lối xử lý đối với nhóm tội phạm này.

- Phân tích, đánh giá thực tiễn các quy định của BLHS năm 1999 về các tội phạm tình dục, từ đó rút ra những tồn tại, hạn chế của các quy định này.

- Phân tích, đánh giá thực trạng áp dụng các quy định về các tội phạm tình dục trong BLHS năm 1999 của các TAND tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009 đến 2014, rút ra những tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân của nó.

- Trên cơ sở phân tích sự cần thiết, những yêu cầu của việc hoàn thiện LHS quy định về các tội phạm tình dục, tác giả đề xuất các kiến nghị, giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định về loại tội phạm này.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đúng như tên gọi của nó - Các tội phạm tình dục trong LHS Việt Nam (Trên cơ sở số liệu thực tiễn tại địa bàn tỉnh Đắk Lắk).

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận về các tội phạm tình dục trong LHS Việt Nam và thực tiễn xét xử trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2014, từ đó chỉ ra những chủ trương, định hướng cơ bản trong việc hoàn thiện BLHS Việt Nam về các tội phạm tình dục, kiến nghị hoàn thiện, cũng như đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng quy định của BLHS nước ta về các tội phạm này.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được nghiên cứu trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mac - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, định hướng của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền, về chính sách hình sự, vấn đề cải cách tư pháp theo Nghị quyết Đại hội Đảng khóa VIII, IX, X, XI và Nghị quyết số 08 – NQ/TW ngày 02/10/2002; Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 26/5/2005 về chiến lược cải cách Tư pháp đến năm 2020 của Bộ chính trị.

Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, và duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác - Lênin. Một số phương pháp cụ thể như: phương pháp thống kê, phân tích và tổng hợp số liệu dựa trên những bản án, quyết định, số liệu thống kê, báo cáo tổng kết của Tòa án các cấp. Phương pháp so sánh pháp luật để đối chiếu với các quy định của pháp luật với nhau nhằm tìm ra những điểm mới trong quá trình nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Đây là công trình chuyên khảo đầu tiên ở cấp luận văn thạc sĩ luật học, nghiên cứu hệ thống, toàn diện, đầy đủ về các tội phạm tình dục trong LHS Việt Nam. Kết quả nghiên cứu và những đề xuất được nêu trong luận văn, có ý nghĩa cho việc hoàn thiện BLHS hiện hành, làm phong phú thêm kho tàng lý luận về khoa học pháp LHS và đồng thời góp phần tăng cường

hiệu quả trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và các tội phạm tình dục nói riêng.

Luận văn này còn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho cán bộ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy về khoa học pháp lý nói chung, khoa học LHS, tội phạm học và các cán bộ thực tiễn đang công tác tại các cơ quan bảo vệ pháp luật...

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về các tội phạm tình dục trong Luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Việt Nam và thực tiễn xét xử các tội phạm này trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009 đến năm 2014.

Chương 3: Nhu cầu và những giải pháp hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội phạm tình dục và nâng cao hiệu quả áp dụng.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÁC TỘI PHẠM TÌNH DỤC TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và đặc điểm của các tội phạm tình dục trong Luật hình sự Việt Nam

Trong BLHS Việt Nam năm 1999, có ba điều luật (Điều 8, Điều 277 và Điều 292) đưa ra định nghĩa về khái niệm tội phạm. Điều 8 BLHS định nghĩa khái niệm chung về tội phạm; Điều 277 định nghĩa về khái niệm tội phạm về chức vụ và Điều 292 quy định khái niệm các tội phạm hoạt động tư pháp. Trong BLHS hiện hành không đưa ra định nghĩa khái niệm các tội phạm về tình dục [20].

Do đó, khái niệm các tội phạm tình dục hiện nay chỉ tồn tại trong các tài liệu, công trình nghiên cứu dưới dạng các khái niệm khoa học pháp lý, phản ánh quan điểm riêng của các nhà khoa học.

Về mặt nhận thức chung, có thể hiểu bất kỳ một hành vi phạm tội nào đều hướng đến một mục đích riêng của người thực hiện hành vi phạm tội. Nó có thể là lợi ích vật chất, lợi ích về tinh thần hay lợi ích về kinh tế... để người phạm tội bằng hành vi của mình (có thể bằng hành động hoặc không hành động) tác động một cách tiêu cực vào các quan hệ xã hội, các quyền của con người được pháp luật bảo vệ một cách hợp pháp và những hành vi ấy được nhà làm luật coi là tội phạm và phải chịu những biện pháp cưỡng chế về mặt hình sự. Cũng như các tội phạm khác, đối với các tội phạm tình dục, người phạm tội bằng hành vi của mình xâm hại đến quyền tự do về tình dục và quyền bất khả xâm phạm về tình dục đã được pháp luật bảo vệ hay chính là quyền tự do về thân thể, danh dự nhân phẩm của một con người cụ thể. Người thực hiện hành vi phạm tội đó là nhằm thỏa mãn nhu cầu sinh lý

của mình, nhưng nhu cầu ấy là trái với ý muốn của người bị hại (người bị xâm hại). Vì thế, hành vi ấy đã vi phạm đến các quyền cơ bản của con người và cách cư xử của một cá nhân trong một môi trường xã hội văn minh không cho phép hành vi ấy xảy ra, bởi lẽ hành vi ấy chỉ có trong cách cư xử của của thú vật, của thời kỳ mông muội [9, tr.32].

Để có định nghĩa khoa học về các tội xâm phạm tình dục, cần phải nghiên cứu chỉ ra được các đặc điểm chủ yếu thể hiện bản chất của các tội phạm này. Nghiên cứu cho thấy nhóm tội phạm tình dục với tư cách là hiện tượng xã hội mang tính tiêu cực, các tội phạm tình dục của người khác như các hiện tượng xã hội khác, có nhiều các đặc điểm khác nhau. Mỗi một góc độ nghiên cứu, tiếp cận lại có thể rút ra những đặc điểm riêng của nhóm tội phạm này. Do vậy, để giới hạn lại vấn đề nghiên cứu, tác giả luận văn chỉ nêu lên những đặc điểm cơ bản của các tội phạm tình dục từ góc độ pháp lý, dựa trên nền tảng lý luận về các dấu hiệu của tội phạm nói chung.

**** Các tội phạm tình dục là những hành vi nguy hiểm cho xã hội xâm phạm nhân phẩm, danh dự, tự do tình dục của người khác***

Khoa học LHS Việt Nam cho rằng: mọi tội phạm nói chung, trong đó có các tội phạm tình dục con người phải là hành vi của con người. Việc xác định tội phạm tình dục của con người phải là hành vi do con người thực hiện có ý nghĩa hết sức quan trọng. Theo đó, nguyên tắc “*hành vi*” trong LHS được xác lập và phản ánh vào trong thực tiễn phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm sức khỏe của người khác. Với nguyên tắc “*hành vi*”, Nhà nước ta nhấn mạnh đối tượng đấu tranh bằng LHS của Nhà nước không phải là các tư tưởng, ý nghĩ, ý đồ phạm tội. Những tư tưởng, ý nghĩ, ý đồ này tuy là lệch lạc, xấu xa song đó không phải là đối tượng đấu tranh, xử lý của LHS mà là đối tượng hướng đến để giải quyết của các giải pháp về tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa hay các giải pháp về kinh tế - xã hội nói chung.

Hành vi của con người không thể là tội phạm nếu nó chưa mang tính chất nguy hiểm đáng kể cho xã hội dưới những dạng nhất định. Do đó, các tội phạm tình dục con người phải là những hành vi nguy hiểm cho xã hội.

Một hành vi được coi là nguy hiểm cho xã hội nói chung, phải có những *đặc tính*: Hành vi đó phải thực sự gây thiệt hại hoặc đe dọa trực tiếp gây thiệt hại cho một hoặc một số quan hệ xã hội cụ thể được LHS bảo vệ; hành vi đó có mức độ gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được LHS nêu trên phải “*đáng kể*”; hành vi đó phải không thuộc một trong các trường hợp được loại trừ TNHS.

Như vậy, cơ sở để xác định một hành vi có phải là tội phạm tình dục hay không chính là việc trong bản thân hành vi đó có chứa đựng tính chất nguy hiểm cho xã hội hay không. Tính nguy hiểm cho xã hội của các tội phạm sức khỏe ở đây thể hiện qua việc hành vi phạm tội đã thực hiện gây thiệt hại cho nhân phẩm, danh dự, quyền tự do tình dục của người khác.

Về lý thuyết, hành vi khách quan trong nhóm tội phạm tình dục của người khác chỉ có thể được thực hiện bằng hình thức là hành động phạm tội tích cực.

**** Các tội phạm tình dục được quy định trong BLHS***

Khoản 1 Điều 8 BLHS đã quy định rõ: “*Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong BLHS...*” [20, Điều 8]. Do đó, như mọi tội phạm khác, các tội phạm tình dục của người khác được quy định trong BLHS. Phần chung BLHS quy định dấu hiệu pháp lý chung của tội phạm. Phần các tội phạm BLHS quy định dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm tình dục cụ thể. Trước đây, trong BLHS năm 1985, các tội phạm tình dục được quy định trong Chương 2 Phần các tội phạm BLHS năm 1985. Hiện nay, các tội phạm tình dục của người khác được quy định từ Điều 111 đến Điều 116 BLHS năm 1999, đó là:

- Tội hiếp dâm (Điều 111)
- Tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112)
- Tội cưỡng dâm (Điều 113)
- Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114)
- Tội giao cấu với người chưa thành niên (Điều 115)
- Tội dâm ô với trẻ em (Điều 116)

Như vậy, việc Nhà nước ta xác định các tội phạm tình dục của con người phải là những hành vi đã được quy định trong BLHS xâm hại tới khách thể được LHS bảo vệ, đó là quyền được bảo vệ về nhân phẩm, danh dự, tự do về tình dục của con người, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trên nhiều phương diện khác nhau. Trước hết, việc quy định này bảo đảm cơ sở pháp lý để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành cuộc đấu tranh với các tội phạm xâm phạm sức khỏe người khác có căn cứ pháp luật, trong giới hạn và trên cơ sở pháp luật, chống mọi hành vi tùy tiện trong việc xử lý người phạm tội, bảo đảm sự thống nhất trong quá trình triển khai các biện pháp đấu tranh, qua đó pháp chế XHCN được tăng cường.

Mặt khác, việc thống nhất ghi nhận các tội phạm tình dục của người khác trong BLHS cũng góp phần khẳng định các cam kết quốc tế của Nhà nước Việt Nam trước cộng đồng thế giới về việc quyết tâm thực hiện các nghĩa vụ quốc gia khi tham gia các điều ước quốc tế về quyền con người của Liên Hợp quốc trên cả hai phương diện chủ thể: nạn nhân của hành vi xâm phạm sức khỏe con người và người đã gây ra hành vi phạm tội đó.

**** Các tội phạm tình dục được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp với mục đích giao cấu để thỏa mãn về mặt tình dục***

Lỗi hình sự là thái độ tâm lý của chủ thể đối với hành vi nguy hiểm

cho xã hội của mình và đối với hậu quả của hành vi đó thể hiện dưới dạng cố ý hoặc vô ý. Mọi tội phạm đều phải là những hành vi có lỗi. Các tội phạm tình dục là những hành vi được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp.

Đó là trường hợp người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến nhân phẩm, đến tự do tình dục của người khác, thấy trước được hậu quả của hành vi nhưng vẫn mong muốn hậu quả xảy ra.

Dấu hiệu lỗi của người phạm các tội phạm về tình dục con người nói lên thái độ tâm lý chủ quan của họ. Chỉ đối với những người có lỗi, việc áp dụng hình phạt và các chế tài hình sự khác mới thực sự có ý nghĩa trừng trị, giáo dục và cải tạo, làm cho họ có ý thức và trách nhiệm hơn đối với sức khỏe của người khác trước khi thực hiện một sự sự cụ thể nào đó.

**** Các tội phạm tình dục do những người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện***

Năng lực TNHS là điều kiện để một người có lỗi khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Trong khoa học pháp lý hình sự Việt Nam, năng lực TNHS được hiểu là khả năng của một người nhận thức cũng như khả năng điều khiển được hành vi của mình khi tham gia các quan hệ xã hội. Người phạm các tội phạm về tình dục của người khác phải là người có năng lực TNHS và đạt độ tuổi chịu TNHS do luật định. Độ tuổi do luật định đối với người phạm các tội phạm tình dục được xác định tùy thuộc vào từng tội phạm xâm phạm tình dục con người cụ thể cũng như mức cao nhất của khung hình phạt mà BLHS quy định cho mỗi tội phạm đó, độ tuổi chịu TNHS được quy định khác nhau. Có trường hợp từ 16 tuổi trở lên, nhưng cũng có trường hợp từ đủ 14 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm về các tội phạm tình dục của người khác theo quy định tại Điều 12 của BLHS hiện hành.

Từ sự phân tích về các đặc điểm chủ yếu của nhóm tội phạm tình dục

của con người nêu trên, tham khảo quan điểm của các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đã công bố, có thể rút ra định nghĩa khái niệm các tội phạm tình dục như sau:

Các tội phạm tình dục là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, được quy định trong BLHS, do người có năng lực TNHS và đủ tuổi chịu TNHS thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm quyền được bảo vệ về nhân phẩm, danh dự, tự do tình dục của con người được Hiến pháp và pháp luật ghi nhận, bảo vệ và việc xâm phạm trực tiếp đến quyền được bảo vệ về nhân phẩm, danh dự, tự do tình dục của con người phản ánh đầy đủ nhất bản chất của loại tội phạm này.

1.2. Khái quát lịch sử lập pháp hình sự Việt Nam quy định về các tội phạm tình dục từ sau năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1999

Nói về sự hình thành và phát triển của các LHS Việt Nam thì chúng ta có thể nói nó ra đời rất sớm, ngay từ khi có Nhà nước nhằm để quản lý đất đai, lợi ích của giai cấp thống trị. Chính vì thế, nhà nước nào cũng đặt ra các luật lệ kèm theo nó là các hình phạt nghiêm khắc nhất nhằm bảo vệ cho giai cấp và trừng trị người có tội và thông qua để răn đe những người đó. Nhìn vào lịch sử phong kiến xa xưa của VN, chúng ta có thể thấy các quy định của LHS qua các triều đại phong kiến từ Đinh, Lê, Lý, Trần, Nguyễn cùng với các BLHS của mỗi triều đại như Bộ luật hình thư (1042 của nhà Lý), Bộ Luật Quốc triều hình luật (của nhà Lê năm 1483), hay Hoàng việt luật lệ của nhà Nguyễn (1814). Nhưng trong phạm vi của luận văn tôi xin phép được nghiên cứu các giai đoạn hình thành và phát triển của pháp LHS Việt Nam quy định về các tội này từ năm 1945 trở lại đây. Vì thời điểm này có những bước ngoặt lịch sử lớn đánh dấu sự ra đời của nhà nước Việt nam DCCH năm 1945 và lịch sử lập pháp của nước ta cho đến nay cũng bắt đầu từ đây trải qua bao biến

cổ hào hùng của cả dân tộc đó là cuộc kháng chiến chống Pháp trường kỳ gian khổ và cuộc kháng chiến chống Mỹ vĩ đại của cả dân tộc Việt Nam và dân tộc ta đã đi đến thống nhất đất nước, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cùng với nó là những tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội cũng đạt được nhiều thành tựu tiến bộ và các quy phạm thì ngày càng được hoàn thiện, trong đó các quy phạm pháp luật về hình sự quy định về các tội phạm tình dục ngày được phát triển và hoàn thiện dần.

1.2.1. Giai đoạn từ sau năm 1945 đến trước khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985

* *Từ năm 1945 đến 1954*: Đây là giai đoạn cách mạng đánh dấu bước phát triển quan trọng của quá trình lập pháp hình sự. Sau khi cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền nhân dân non trẻ phải đối mặt với những khó khăn chồng chất. Nền kinh tế của đất nước vốn nghèo nàn, lạc hậu, trong khi đó các thế lực thù địch cấu kết dùng nhiều thủ đoạn thâm độc nhằm đánh đổ chính quyền nhân dân do Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân ta phải đánh đổi biết bao mồ hôi, xương máu mới giành được. Miền Nam được sự yểm trợ của quân Anh, Pháp xâm lược chiếm Sài Gòn, rồi sau đó các tỉnh Nam Bộ, Nam Trung Bộ.

Trong những ngày đầu giành được chính quyền và liên tiếp thời gian sau đó, để ổn định an ninh trật tự trong điều kiện chưa xây dựng được hệ thống luật pháp hình sự, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký lệnh ban hành hàng loạt sắc lệnh nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh trước mắt. Theo giáo trình LHS Việt Nam của Trường Đại học Luật Hà Nội, nhà xuất bản Công an nhân dân, năm 2003, giai đoạn 1945 - 1954 có các văn bản sau:

- Sắc lệnh số 21/SL, ngày 14/2/1946 trừng trị bọn phản cách mạng, bọn địa chủ cường hào ngoan cố;

- Sắc lệnh số 26/SL, ngày 25/2/1946 trừng trị tội phá hoại cộng sản;

- Sắc lệnh số 27/SL, ngày 28/2/1946 trừng trị tội bắt cóc, tống tiền, ám sát;
- Sắc lệnh số 40/SL, ngày 29/3/1946 đảm bảo tự do cá nhân;
- Sắc lệnh số 223/SL, ngày 20/01/1953 trừng trị tội xâm hại đến an toàn nhà nước;
- Sắc lệnh số 150/SL và Sắc lệnh số 151/SL, ngày 12/04/1953 trừng trị địa chủ chống pháp luật;

Ở giai đoạn này, LHS phải thực hiện nhiệm vụ chung là bảo vệ chính quyền nhân dân còn non trẻ, trừng trị bọn Việt Gian, phản động để phục vụ cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi; trừng trị bọn địa chủ cường hào ngoan cố, các đối tượng hình sự lợi dụng xã hội nước ta còn chưa ổn định có hành vi gây phương hại đến chính quyền, tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, tài sản của nhân dân.

Như vậy, sau cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước ta tuy còn rất non trẻ nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tích cực tiến hành hoạt động lập pháp hình sự. Và chỉ trong thời gian ngắn đã ban hành hàng loạt các văn bản quy phạm pháp LHS, đáp ứng yêu cầu giữ vững chính quyền nhân dân, góp phần xây dựng và phát triển lực lượng, chuẩn bị sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến lâu dài của cả nước.

Bước vào thời kỳ toàn quốc kháng chiến, kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (19/12/1946) đến ngày (20/7/1954), quân dân cả nước đã tiến hành cuộc kháng chiến ròng rã chín năm với nhiều đau thương mất mát và cuối cùng đã giành được thắng lợi: Đánh đuổi đế quốc Pháp ra khỏi đất nước, mở ra thời kỳ mới - Cách mạng xã hội chủ nghĩa Miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ ở Miền Nam.

Nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp LHS được ban hành trong thời kỳ này liên quan đến các tội xâm phạm tính mạng con người nói riêng và các qui định của LHS nói chung có một số đặc điểm như sau:

- *Về tội phạm*, pháp LHS thời kỳ này chưa có quy phạm định nghĩa về tội phạm, mà chỉ quy định những tội phạm cụ thể và các biện pháp pháp lý hình sự áp dụng đối với chúng, nhằm phục vụ yêu cầu của cuộc kháng chiến. Chế định đồng phạm được ghi nhận ở nhiều văn bản quy phạm pháp LHS, nhưng mới chỉ được xem xét ở một số khía cạnh nhất định, vẫn chưa có quy định về khái niệm đồng phạm. Phạm vi đồng phạm được quy định rộng, được hiểu với nghĩa là đồng thực hành.

- *Về hình phạt*, các hình phạt được quy định trong thời kỳ này đã được chia làm hai loại: các hình phạt chính và các hình phạt bổ sung. Các hình phạt chính bao gồm: Phạt tiền; hình phạt tù có thời hạn; tù chung thân; tử hình. Các hình phạt bổ sung bao gồm: Tịch thu tài sản; tước quyền công dân; phạt tiền; quản thúc. Hình phạt tiền vừa là hình phạt chính vừa là hình phạt bổ sung.

* *Từ năm 1954 – 1975*: Đây là giai đoạn mà đất nước ta bị chia cắt làm hai miền, Miền bắc đã giành được độc lập còn miền Nam đang thực hiện cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, mà kẻ thù chung lúc này của cả dân tộc ta là đế quốc Mỹ sừng sỏ. Do đó, pháp LHS lúc này cũng có những đặc điểm riêng ở mỗi miền.

Theo Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự do TANDTC xuất bản (tập 1 năm 1945-1974, tập 2 năm 1975-1979), ở miền Bắc, Bộ Tư pháp có ban hành thông tư số 19/VHH - HS, ngày 30/6/1955 yêu cầu Tòa án không nên áp dụng luật lệ cũ đế quốc phong kiến. Thông tư này phần lớn đã được thi hành, còn một số nơi đã ban hành Chỉ thị số 772/TATC về vấn đề đình chỉ áp dụng pháp luật cũ của đế quốc, phong kiến và đã từng bước hoàn thiện và ban hành văn bản mới.

Chỉ thị số 1025/TATC của TANDTC ngày 15/6/1960 về đường lối xét xử tội phạm trong đó quy định xét xử: Tội giết người, tội mê tín dị đoan và xét xử về tội hiếp dâm.

Cũng trong năm này TANDTC đã ban hành Chỉ thị số 1024, ngày 15/6/1960 hướng dẫn về việc xử lý tội phạm tình dục là tội hiếp dâm, nhằm khắc phục khuynh hướng coi nhẹ tội hiếp dâm trẻ em và đồng thời bổ sung thêm các hình thức phạm tội mới như tội dâm ô, tội cưỡng dâm...

Và cũng trên việc tổng kết thực tiễn xét xử, Tòa án NDTC để hoàn thiện và bổ sung thêm các hành vi phạm tội mới xâm hại đến tình dục và đồng thời hướng dẫn thêm về đường lối xét xử các tội này cho các Tòa án cấp dưới (Thông tư số 329/HS2, ngày 11/5/1967). Trong đó đưa ra một cách toàn diện về 4 hình thức phạm tội:

- Tội hiếp dâm;
- Tội cưỡng dâm;
- Tội giao cấu với người chưa đủ 16 tuổi;
- Tội dâm ô;

Văn bản này đã được thay thế cho Chỉ thị số 1024 năm 1960 của Tòa án NDTC. Tiếp theo đó *“TANDTC lại tiếp tục hướng dẫn các trường hợp phạm tội mới như đồng tình dâm ô bao gồm cả giao cấu ở nơi công cộng và có nhiều người cùng tham gia”*. Tiếp đó bản báo cáo tổng kết và hướng dẫn số 329/HS2 ngày 11/5/1967 của TANDTC về đường lối xử lý tội hiếp dâm và các tội xâm hại khác về mặt tình dục có quy định *“Hiếp dâm vị thành niên khác dưới 18 tuổi, ngoài trường hợp hiếp dâm trẻ em là tình tiết tăng nặng định khung còn phải có thêm tình tiết tăng nặng. Đối với tội phạm khác về mặt tình dục, cũng có tình tiết tăng nặng này trừ đối với tội giao cấu với người dưới 16 tuổi và tội dâm ô vì ở đây tuổi là yếu tố cấu thành tội phạm.*

Riêng đối với những can phạm còn ít tuổi phạm tội hiếp dâm, cần phân biệt những can phạm trong lứa tuổi từ khoảng 14 – 16 tuổi chủ yếu là dùng biện pháp giáo dục như giao cho cha, anh, chú, bác bảo lãnh và giáo dục, giữ trong các trại giáo dưỡng vị thành niên... chỉ có những trường hợp nào thật nghiêm trọng mới đem ra xét xử.

Trong các bản tổng kết số 329/HS2, ngày 11/5/1967 của Tòa án NDTC hướng dẫn đường lối xét xử tội hiếp dâm và một số hành vi khác xâm hại về tình dục có viết:

Nếu hiếp dâm làm chết người hoặc làm nạn nhân tự sát, thì sử phạt từ 5 năm đến 20 năm. Trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng có thể xử đến chung thân hoặc tử hình. Nếu kèm theo hiếp dâm là tội cướp của, cần xét xử cả hai tội và tổng hợp hình phạt. Nếu tội hiếp dâm kèm theo tội giết người (cũng như giết người kèm theo tội hiếp dâm), không cần xử tổng hợp tội và có thể xử phạt đến tử hình, giảm nhẹ đối với các trường hợp là phạm tội chưa hoàn thành, tác hại hạn chế, bị cáo còn ít tuổi hoặc có các tình tiết nhân thân của bị can như có công hiến, thái độ hối cải... .

Ở các tỉnh phía Nam, chính quyền của ngụy quyền Sài gòn đã ban hành BLHS năm 1972 trong đó cũng quy định tội phạm tình dục của người khác như tội hiếp dâm (Điều 355, Điều 356), giam giữ người hoặc dùng bạo lực để cưỡng bức người khác mãi dâm (Điều 359).

Song song với đó giai đoạn này, Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam Việt Nam đã ban hành sắc lệnh 03/SL – 76 ngày sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước và trong đó quy định về tội phạm và hình phạt. Việc ban hành sắc lệnh này là một bước phát triển mới của pháp LHS Việt nam quy định về các tội nói chung, cũng như phát LHS quy định về các tội phạm tình dục đã bước thêm một giai đoạn mới. Sau sắc lệnh số 02/SL – 76 được ban hành thì Bộ tư pháp đã ban hành Thông tư số 03/ BTP – 76 ngày 15/4/1976 hướng dẫn thi hành sắc lệnh số 03/SL - 76. Tại thông tư đã có quy định về các tội xâm hại về tình dục người khác như tội hiếp dâm, cưỡng dâm, thông dâm với gái đang ở độ tuổi vị thành niên, tội dâm ô..

Trong Sắc lệnh này cùng còn tồn tại một số hạn chế, là không nêu tên các tội đang cụ thể dẫn đến việc áp dụng nguyên tắc tương tự trong khi xét xử, định tội.

Ví dụ: Luật chỉ quy định tội hiếp dâm, hiếp dâm vị thành niên trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trong khi đó thực tiễn xét xử còn quy định thêm 3 tội phạm tình dục là cưỡng dâm, tội giao cấu với người chưa đủ 16 tuổi, tội dâm ô.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn và quy định có tính chất chỉ đạo của TANDTC thì những tình tiết được quy định với tính chất là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành cơ bản của các tội phạm tình dục tương ứng, đồng thời coi là tình tiết tăng nặng một lần nữa khi đưa ra các quyết định về hình phạt. Như vậy, trong thực tiễn xét xử, Tòa án được quyền đánh giá hai lần một tình tiết tăng nặng khi quyết định hình phạt. Nhược điểm này trái với nguyên tắc nhân đạo của LHS.

** Từ năm 1975 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985: Chiến thắng vĩ đại ngày 30 tháng 4 năm 1975 bằng Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, đất nước được hòa bình thống nhất. Sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam, tình hình đất nước gặp phải nhiều khó khăn, nhất là phải đối phó với hai cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Công tác quản lý xã hội ở miền Nam còn nhiều bỡ ngỡ. Một số phần tử xấu đã lợi dụng tình hình này để tiến hành các hoạt động phạm tội rất dã man, tàn bạo như: giết nhiều người, giết người cướp của hay hiếp dâm. Để hàn gắn vết thương chiến tranh, lập lại trật tự xã hội, việc thống nhất pháp luật cũ và xây dựng pháp luật mới là nhiệm vụ cấp bách. Căn cứ vào Nghị quyết ngày 02/7/1976 của Quốc hội khoá VI, kì họp thứ nhất, Hội đồng Chính phủ đã thu thập ý kiến của các ngành và đã chủ trương: Những văn bản pháp luật hiện hành ở hai miền đều được áp dụng chung trong cả nước vì đều là xuất phát từ đường lối, chính sách của Đảng. Đối với các tỉnh phía Nam, những Sắc luật mới được ban hành cũng như những văn bản pháp luật khác của Chính phủ cách mạng lâm thời vẫn tiếp*

tục được áp dụng. Nhưng nếu có điều khoản nào đã được quy định một cách quá tổng quát, thì có thể và cần thiết phải vận dụng luật lệ đã được thi hành ở miền Bắc. Đối với vấn đề nào mà ở miền Nam trước đây chưa có luật lệ mà miền Bắc đã có, thì vận dụng luật lệ đang được thi hành ở miền Bắc, nhưng phải xem xét vận dụng vào tình hình, đặc điểm của miền Nam cho phù hợp. Đối với miền Bắc, các vấn đề nào mà miền Bắc chưa có hoặc tuy đã có nhưng chưa thích hợp mà miền Nam đã có và tiến bộ hơn thì áp dụng luật lệ ở miền Nam.

Nhìn chung, trước tình hình cách mạng mới của đất nước, LHS cũng có nhiều đổi mới quan trọng. Tuy nhiên, nhiệm vụ chủ yếu, xuyên suốt từ sau giải phóng đến nay của pháp LHS là bảo vệ vững chắc Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, tạo điều kiện để Nhà nước ta thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Tiêu biểu trong công tác lập pháp hình sự giai đoạn từ năm 1975 đến trước năm 1985 là Sắc luật số 03-SL/76 ngày 15-3-1976 quy định các tội phạm và hình phạt. Sắc luật gồm 4 chương, 12 điều, quy định 7 loại tội phạm: Tội phản cách mạng; Tội xâm phạm tài sản công cộng; Tội xâm phạm đến thân thể và nhân phẩm của công dân; Tội phạm kinh tế; Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn và tội hối lộ; Tội xâm phạm tài sản riêng của công dân; Tội xâm phạm đến trật tự công cộng, an toàn công cộng và sức khỏe của nhân dân. Các qui định này tiếp tục được hoàn chỉnh, bổ sung thành nhiều chương trong phần các tội phạm của BLHS năm 1985 và 1999 sau này như các chương: Tội xâm phạm an ninh quốc gia; tội xâm phạm tính mạng sức khỏe con người; tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và chức vụ...

Về tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người Sắc luật số 03/SL ngày 15/3/1976 nêu 5 tội thuộc nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người là tội giết người, tội

vô ý làm chết người, tội cố ý gây thương tích, tội vô ý gây thương tích nặng và tội hiếp dâm. Còn các tội khác chỉ được nêu chung chung là "các tội khác xâm phạm thân thể và nhân phẩm của người dân.

1.2.2. Giai đoạn từ khi ban hành Bộ luật hình sự năm 1985 đến trước khi ban hành BLHS năm 1999

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV, V, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giành được những thành tựu quan trọng trên một số lĩnh vực, cải biến được một phần cơ cấu của nền kinh tế – xã hội, tạo ra những cơ sở đầu tiên cho sự phát triển mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, đất nước đã gặp phải không ít khó khăn và khuyết điểm. Nổi lên là sự chủ quan, duy ý chí, duy trì quá lâu mô hình kinh tế bao cấp; nóng vội xây dựng một quan hệ sản xuất không phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất nên không thực hiện được mục tiêu đã đề ra, dẫn đến tình hình kinh tế – xã hội và đời sống nhân dân không được cải thiện và phát triển như mong muốn; pháp chế xã hội chủ nghĩa chậm được tăng cường; pháp luật, kỷ cương bị buông lỏng. Mặt khác, các văn bản quy phạm pháp LHS đơn hành không thể hiện được toàn diện, đầy đủ chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước ta.

Xuất phát từ tình hình trên, việc ban hành BLHS là vấn đề trở nên cấp bách, có tính tất yếu, khách quan và cấp thiết; có ý nghĩa góp phần thực hiện các chiến lược là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, Chính quyền, bảo vệ nhân dân và đảm bảo an ninh trật tự. Đáp ứng yêu cầu đó, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm của các chủ trương, chính sách hình sự trước đó, ngày 27/6/1985, Quốc hội khoá 7, tại kỳ họp thứ 9 đã thông qua BLHS 1985 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/1986. Từ năm 1986 đến năm 1997 đã bốn lần bổ sung.

BLHS năm 1985 là BLHS đầu tiên của Nhà nước cộng hòa xã hội chủ

ngĩa Việt Nam. Nếu pháp LHS thời kỳ trước đó là hệ thống các văn bản quy phạm pháp LHS đơn hành, thì việc pháp điển hóa về hình sự lần này đánh dấu bước tiến bộ vượt bậc về kỹ thuật lập pháp hình sự ở nước ta.

Đây là giai đoạn đánh dấu cho việc pháp luật được áp dụng chung cho cả nước và việc xây dựng các quy định phạm pháp hình sự chung cho cả nước đã được đặt ra hết sức cấp bách. Căn cứ vào nghị quyết ngày 02/7/1976 của Quốc hội khóa VI, kỳ họp thứ nhất về việc áp dụng pháp luật thống nhất trong cả nước của Hội đồng Chính phủ. Trong đó công bố các văn bản hiện hành nào vẫn còn có hiệu lực pháp luật trước đó cho từng miền và những văn bản nào còn đang hiện hành để áp dụng cho cả nước. Trong đó đáng chú ý là văn bản dự thảo Chi thị số 54 của TANDTC quy định về các tội xâm hại về thân thể, danh dự, nhân phẩm của công dân có ghi “Chỉ có một văn bản quy định về các tội này ghi trong danh mục Sắc lệnh số 03/SL-76 ngày 15/3/1976. Như vậy, Tòa án các tỉnh, thành phố phía nam vẫn áp dụng các văn bản như hiện nay. Trong đó khi áp dụng cần nghiên cứu cả thực tiễn xét xử của tội giết người (số 452/HS2, ngày 10/8/1970) và tổng kết đường lối xử lý tội hiếp dâm và một số tội khác về tình dục (số 329/HS2, ngày 11/5/1967) của TANDTC để nắm được dấu hiệu và tinh thần, chính sách xử lý của các tội này mà vận dụng vào cho sát thực tiễn. Các Tòa án thuộc các tỉnh thành phố ở phía bắc cũng có thể áp dụng các văn bản này thay thế cho Thông tư số 442/TTg, ngày 19/11/1955, bởi vì thông tư này không được ghi vào trong danh mục và nội dung quy định của thông tư không đầy đủ bằng nội dung quy định ở Điều 5 Sắc lệnh số 03/SL-76 nói trên.

Qua đây, có thể cho thấy khi thống nhất hai miền thì các quy định của pháp LHS về các tội phạm tình dục và đường lối xét xử được áp dụng chung thống nhất theo Chi thị 452/HS2 ngày 11/5/1967 của TANDTC.

Giai đoạn này, cũng đánh dấu sự ra đời của BLHS đầu tiên của nước VN

XHCN, đây được coi là lần pháp điển đầu tiên trong lịch sử từ khi giành được độc lập và coi là một cố gắng lớn lao của các nhà lập pháp Việt Nam. Nó đánh dấu kỹ thuật lập pháp của Việt Nam đã tiến lên một bước mới, pháp LHS từ đây sẽ thống nhất áp dụng trong cả nước và là văn bản pháp lý hình sự duy nhất, là công cụ để quản lý nhà nước, quản lý xã hội và là công cụ quan trọng để Nhà nước trừng trị kẻ phạm tội bảo vệ quyền lợi cho nhân dân.

Tuy thế, các tội được BLHS pháp điển lần này còn thiếu và vẫn chưa đầy đủ cần hoàn thiện so với các văn bản ban hành trước đó. Trong BLHS lần này chỉ quy định hai tội phạm tình dục là tội hiếp dâm và tội giao cấu về người chưa đủ 16 tuổi trong chương về các tội xâm phạm danh dự, nhân phẩm của người khác. Và đồng thời nhóm tội này qua các lần sửa đổi, bổ sung sau này đã được hoàn thiện, bổ sung thêm nhiều lần và đến lần sửa đổi thứ tư của BLHS năm 1985 đã có quy định tất cả năm điều luật quy định về các tội phạm tình dục như tội hiếp dâm (Điều 112), tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112 a), tội cưỡng dâm (Điều 113), tội cưỡng dâm người chưa thành niên (Điều 113 a), tội giao cấu với người chưa đủ 16 tuổi (Điều 114) trong đó các tội đó đều quy định rõ ràng các khung định tội, các mức hình phạt tương ứng đối với mỗi khung định tội và có quy định thêm một số các tình tiết tăng nặng trong các tội và điều chỉnh hình phạt cũng theo hướng tăng nặng.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã giành được những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước đã có nhiều khởi sắc, được nhân dân ta và bạn bè quốc tế đánh giá cao. Tuy nhiên, trong quá trình chuyển đổi cơ chế, bên cạnh những mặt tích cực, mặt trái nền kinh tế thị trường cũng đã làm nảy sinh nhiều vấn đề tiêu cực, trong đó tình hình tội phạm diễn biến phức tạp. Trước tình hình đó, BLHS năm 1985 dù đã được sửa đổi, bổ sung

4 lần, nhưng còn nhiều điểm bất cập cần phải được sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện, nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Trước yêu cầu của công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới, ngày 21/12/1999, tại kỳ họp thứ 6, Quốc hội khoá 10 đã thông qua BLHS năm 1999 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2000, thay thế BLHS năm 1985 đã có nhiều điểm không còn phù hợp. Trên tinh thần kế thừa và đổi mới, Nhà nước ta thực hiện việc sửa đổi, bổ sung khá toàn diện BLHS năm 1985. BLHS năm 1999 ra đời đã khắc phục phần nào những hạn chế của BLHS năm 1985 [20].

1.3. Các tội phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

Để có cơ sở hoàn thiện BLHS Việt Nam về các tội phạm tình dục, việc tìm hiểu và làm rõ các tội phạm này tương ứng trong BLHS các nước là nhiệm vụ cần thiết. Trong mục 1.3. này, tác giả tập trung tìm hiểu quy định các tội phạm này trong BLHS Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

1.3.1. Các tội phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Liên bang Nga

BLHS Liên bang Nga hiện hành được Duma Quốc gia thông qua ngày 24/5/1996 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1997. Bộ luật được sửa đổi, bổ sung nhiều lần, trong đó lần mới nhất là vào ngày 01/7/2010 [32].

Xuất phát từ nhiều lý do mang tính lịch sử, giữa BLHS Việt Nam và BLHS Cộng hòa Liên bang Nga có nhiều điểm tương đồng nhau. Nghiên cứu kinh nghiệm lập pháp hình sự của Cộng hòa Liên bang Nga đối với các tội xâm phạm tình dục có ý nghĩa lớn đối với việc xây dựng, hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về nhóm tội phạm này. Trong BLHS của Liên bang Nga, các tội xâm phạm này được quy định khá đầy đủ. Hiện nay, các tội xâm phạm tự do tình dục trong BLHS Liên bang Nga được quy định tại Chương 18 với 5 điều luật, từ Điều 131 đến Điều 135 [32]:

- Tội hiếp dâm (Điều 131);
- Tội cưỡng dâm (Điều 132);
- Tội ép buộc người khác hoạt động tình dục (Điều 133);
- Tội giao cấu và thực hiện các hoạt động tình dục khác với người chưa đủ 16 tuổi (Điều 134);
- Tội dâm ô (Điều 135);

Như vậy, nghiên cứu các quy định nêu trên trong BLHS Liên bang Nga và trong so sánh, đối chiếu với BLHS Việt Nam có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Một là, khác với BLHS Việt Nam, các tội phạm tình dục được xây dựng thành một chương riêng trong BLHS.

Hai là, trong BLHS Việt Nam, mức độ phân hóa các tội phạm tình dục là tương đối lớn. Ví dụ căn cứ vào đối tượng bị xâm hại là trẻ em, BLHS Việt Nam đã tách tội hiếp dâm thành hai tội: Hiếp dâm (Điều 111) và hiếp dâm trẻ em (Điều 112); cũng như vậy tội cưỡng dâm tách thành hai tội: Cưỡng dâm (Điều 113), Tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114). Trong khi đó, BLHS của Liên bang Nga không có phân hóa như vậy, mặc dù có quy định hiếp dâm người chưa thành niên hoặc cưỡng dâm người chưa thành niên sẽ bị trừng trị nghiêm khắc hơn so với đối tượng bị xâm hại là người đã thành niên.

Ba là, đối tượng bị xâm hại của các tội hiếp dâm, cưỡng dâm có thể là nam, nữ, người đồng tính nam, người đồng tính nữ.

Bốn là, Điều 133 BLHS của Liên bang Nga quy định tội ép buộc người khác hoạt động tình dục. Theo quy định tại điều luật này, cấu thành tội phạm đòi hỏi người phạm tội có hành vi ép buộc người khác thực hiện hành vi giao cấu, đồng tính nam, đồng tính nữ hoặc hiện các hoạt động tình dục khác bằng cách uy hiếp, đe dọa hủy hoại, làm hư hỏng hoặc lấy đi tài sản, hoặc lợi dụng sự phụ thuộc vật chất, hoặc phụ thuộc khác của người bị hại.

Như vậy, nếu so sánh với quy định của BLHS Việt Nam thì hành vi phạm tội của tội này tương tự như tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 113, 114), ngoài ra chủ thể của tội phạm, đối tượng tác động của tội phạm quy định rộng hơn so với quy định trong BLHS Việt Nam.

Năm là, Điều 134 BLHS Liên bang Nga quy định về tội giao cấu và thực hiện các hoạt động tình dục khác với người chưa đủ 16 tuổi. Cấu thành của tội này quy định cũng gần tương tự như Việt Nam quy định về tội giao cấu với trẻ em (Điều 115). Tuy nhiên, hành vi phạm tội mở rộng hơn không chỉ giao cấu mà còn đồng tính nam, đồng tính nữ. Trẻ em được quy định là người dưới 16 tuổi. Giao cấu với người dưới 12 tuổi không coi là hành vi hiếp dâm như quy định trong BLHS Việt Nam [32].

Sáu là, đối với tội dâm ô theo Điều 135 BLHS Liên bang Nga cũng được quy định đối với trẻ em dưới 16 tuổi, trong đó có quy định dấu hiệu định tội là không sử dụng vũ lực.

Bảy là, hình phạt đối với nhóm tội phạm này trong BLHS Liên bang Nga đa dạng hóa nhiều loại chế tài áp dụng hơn so với BLHS Việt Nam. Cụ thể, BLHS Liên bang Nga quy định các hình phạt: Phạt tiền; phạt tù (có hoặc không kèm theo hạn chế tự do, có hoặc không kèm theo tước quyền đảm nhiệm một số chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định); phạt hạn chế tự do. Trong khi đó, BLHS Việt Nam hiện hành chỉ quy định hình phạt tù có thời hạn là chủ yếu). Hình phạt chính và hình phạt bổ sung (cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định) đối với các tội phạm này.

1.3.2. Các tội phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa

BLHS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được Quốc hội Trung Quốc thông qua tại kỳ họp thứ II, ngày 01/7/1979, có hiệu lực từ ngày

01/01/1980 [14]. Bộ luật được sửa đổi năm 1997, 1999, 2001, 2002, 2005 và 2007. Liên quan đến các tội phạm tình dục, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã quy định nhóm tội phạm này tại Chương IV bao gồm 2 điều : Điều 236 và Điều 237 như sau [14]:

- Điều 236 quy định về hành vi cưỡng hiếp phụ nữ;
- Điều 237 quy định về hành vi cưỡng dâm phụ nữ.

Nghiên cứu các quy định nêu trên trong BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và trong so sánh, đối chiếu với BLHS Việt Nam có thể rút ra một số nhận xét như sau:

Một là, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa không nêu tên tội danh mà chỉ mô tả hành vi phạm tội tình dục phụ nữ, trong khi đó BLHS Việt Nam tại các điều luật đều có nêu tên tội danh.

Hai là, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định các tội phạm tình dục phụ nữ ít hơn, song hình phạt quy định nghiêm khắc hơn. Theo đó, khung hình phạt cao nhất của tội cưỡng hiếp là tử hình.

Ba là, đối với các tội phạm tình dục, BLHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa quy định rõ đối tượng bị xâm hại là phụ nữ [14].

Chương 2

NHỮNG DẤU HIỆU PHÁP LÝ ĐẶC TRƯNG CỦA CÁC TỘI PHẠM TÌNH DỤC TRONG BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VÀ THỰC TIỄN XÉT XỬ CÁC TỘI PHẠM NÀY TRÊN ĐẠI BÀN TỈNH ĐẮK LẮK TỪ NĂM 2009 ĐẾN NĂM 2014

2.1. Những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội phạm tình dục trong Bộ luật hình sự Việt Nam

* *Khách thể của tội phạm*

Khách thể của nhóm tội phạm này được LHS bảo vệ đó chính là các quyền bất khả xâm phạm về tình dục và quyền tự do về tình dục của cá nhân và đây chính là các quyền liên quan mật thiết đến cá nhân mà chỉ có mỗi cá nhân mới có quyền định đoạt nó. Những hành vi của người nào trực tiếp hay gián tiếp xâm phạm đến đều bị pháp luật trừng trị. Quyền này phát sinh từ khi cá nhân sinh ra cho đến khi cá nhân chết đi, ở đây chính là sự thể hiện một cách cư xử, ứng xử chuẩn mực của xã hội mà bất cứ một cá nhân nào sống trong xã hội phải tuân theo và có ý thức để tôn trọng nó [10, tr.34].

Khách thể nữa mà pháp luật bảo vệ đối với các tội này là quyền được tôn trọng về danh dự, nhân phẩm của con người. Đó là giá trị của mỗi cá nhân đã được xã hội nhìn nhận và coi trọng, việc hành vi xâm phạm đến tình dục chính là hành vi coi thường phẩm giá danh dự của một con người. Hành vi ấy có thể gây ra một hậu quả rất xấu đến danh dự, nhân phẩm của con người bị hại, có thể làm cho mọi người xung quanh xa lánh, khinh rẻ, để lại những tin đồn xấu mà biết rằng người đó cũng chỉ là người bị hại, có khi còn không nhận được sự cảm thông của gia đình, bạn bè, chồng, con, những người mà coi là thân thiết nhất với họ. Thái độ lạnh nhạt, thờ ơ, xa lánh đó có thể làm cho họ bị mặc cảm với bản thân, xấu hổ, sợ hãi, dằn vặt... Vì thế, đây được coi là khách thể quan trọng nhất được LHS bảo vệ...

Đối tượng tác động của tội phạm, tùy vào từng loại tội phạm mà cần xác định đối tượng tác động là nam hay nữ, là trẻ em hay người đã thành niên. Ví dụ, đối với các tội hiếp dâm trẻ em (Điều 111), thì nạn nhân (đối tượng tác động) của tội phạm là trẻ em trai hoặc gái có độ tuổi dưới 16 tuổi. Đối với tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 113), nạn nhân là trẻ em từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi và phải là người lệ thuộc vào người phạm tội. Đối với tội giao cấu với trẻ em, dâm ô với trẻ em nạn nhân là trẻ em gái hoặc trai từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

**** Mặt khách quan của tội phạm***

Hành vi phạm tội khách quan nguy hiểm cho xã hội của các tội phạm tình dục đều thể hiện dưới dạng hành vi hành động. Người phạm tội đã trực tiếp bằng hành vi của mình xâm hại đến người bị hại nhằm thỏa mãn nhu cầu sinh lý của mình.

Có thể là dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lợi dụng tình trạng không thể tự vệ hoặc thủ đoạn khác nhằm giao cấu trái ý muốn với nạn nhân (đối với các tội hiếp dâm (Điều 111); tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112)). Hay dùng mọi thủ đoạn khiến người khác lệ thuộc vào mình hoặc người đang ở trong tình trạng quẫn bách để họ phải miễn cưỡng giao cấu với mình như ở tội cưỡng dâm (Điều 112), tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 113). Ở tội giao cấu với người chưa thành niên (Điều 116) được thể hiện bằng hành vi giao cấu với người chưa thành niên từ đủ 13 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi mà kẻ phạm tội lợi dụng vào dụng vào sự kém hiểu biết của người bị hại để lừa phỉnh, dụ dỗ để nhằm giao cấu nhưng ở đây có sự đồng thuận của người bị hại. Còn ở tội dâm ô với trẻ em (Điều 116) thể hiện bằng hành vi sờ, mó, hôn, hít... vào bộ phận sinh dục của trẻ em hoặc bắt trẻ em sờ, mó, hôn, hít vào bộ phận sinh dục của mình [6, tr.15].

Ở đây, cần nhấn mạnh là những hành vi này là những hành vi nhằm để tác động, dẫn đến hành vi trực tiếp mà kẻ phạm tội giao cấu được với người bị

hại hoặc các hành vi xâm phạm đến tình dục của người phạm tội. Có nghĩa là mục đích cuối cùng của người phạm tội là nhằm giao cấu được với nạn nhân hoặc không nhằm giao cấu mà để thỏa mãn nhu cầu sinh lý của mình.

Đối với các tội hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với trẻ em, hành vi giao cấu vừa là hành vi bắt buộc của cấu thành tội phạm, vừa là hậu quả của hành vi phạm tội. Cấu thành đầy đủ của hành vi phạm tội là người phạm tội đã giao cấu được với nạn nhân nhưng không đòi hỏi đã kết thúc về mặt sinh lý. Nếu chưa xảy ra hành vi giao cấu thì chỉ bị truy cứu hình sự ở giai đoạn phạm tội chưa đạt.

- Thủ đoạn phạm tội: Để thực hiện tội phạm tình dục, tùy từng loại tội người phạm tội sử dụng những thủ đoạn khác nhau. Đối với các tội hiếp dâm (Điều 111, 112), thủ đoạn người phạm tội sử dụng như dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực thông qua các tác động về mặt thể chất như vật ngã, giữ chân tay, bịp mồm, bóp cổ, trói, xé... làm cho nạn nhân mất đi khả năng chống cự để có thể gây án. Người phạm tội có thể sử dụng những thủ đoạn tinh vi hơn để làm cho nạn nhân mất hoàn toàn khả năng chống cự như dùng rượu, dùng thuốc gây mê, cho uống thuốc kích thích...

Còn đối với các tội cưỡng dâm (Điều 113, 114), người phạm tội sử dụng thủ đoạn lợi dụng vào sự lệ thuộc vào mặt quan hệ gia đình, quan hệ xã hội như giữa thầy cô với học sinh, lợi dụng quan hệ công tác (thủ trưởng với nhân viên, cấp trên với cấp dưới) để thực hiện hành vi giao cấu với nạn nhân.

- Hậu quả của tội phạm: Các tội phạm tình dục là các tội có cấu thành hình thức, tức là chỉ cần người phạm tội thực hiện hành vi khách quan nguy hiểm cho xã hội (giao cấu, dâm ô) là tội phạm được coi đã hoàn thành, có nghĩa không cần người phạm tội thỏa mãn về mặt sinh lý. Tuy nhiên trong thực tiễn hậu quả của các tội phạm này có thể gây ra là nghiêm trọng, như gây đau đớn về mặt thể xác mà cả về mặt tinh thần gây ra những hậu quả hết

sức nghiêm trọng, chết người, gây thương tích, dẫn đến nạn nhân có thai, tự sát hoặc khủng hoảng về tinh thần thường hay bắt gặp ở các nạn nhân như sự sợ hãi, sự hoảng loạn, rối loạn, khủng hoảng về tâm lý có thể dẫn đến họ sợ hãi, mặc cảm xa lánh mọi người. Có khi xấu hổ mà họ bỏ nhà đi hoặc nghiêm trọng hơn họ tìm đến cái chết [6, tr.45]. Những hậu quả đó tùy từng tội được coi là tình tiết tăng nặng định khung hoặc tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS.

*** Mặt chủ quan của tội phạm**

Mặt chủ quan của tội phạm thể hiện ở lỗi của hành vi phạm tội hay nói cách khác chính là: “trạng thái tâm lý của người phạm tội đối với hành vi phạm tội do mình gây ra”.

Các tội phạm tình dục từ Điều 111 đến Điều 116 BLHS đều được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội nhận thức được hành vi nguy hiểm do mình gây ra là xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về tình dục của người khác, song vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội của mình nhằm thỏa mãn nhu cầu sinh lý của bản thân mà không cần quan tâm đến thái độ của người bị hại.

Động cơ phạm tội: Động cơ phạm tội của các tội này đều xuất phát từ động cơ cá nhân của bản thân kẻ phạm tội. Đó là sự ham muốn, sự mong muốn thỏa mãn nhu cầu sinh lý của bản thân. Động cơ này xuất phát từ trong bản chất con người của mỗi cá nhân và từ đó thúc đẩy cá nhân đến hành vi phạm tội.

Mục đích phạm tội: Chính là sự mong muốn thực hiện hành vi giao cấu hoặc có thể không giao cấu với nạn nhân nhưng nhằm để thỏa mãn nhu cầu sinh lý của bản thân đó chính là mục đích cuối cùng mà mỗi cá nhân phạm tội hướng đến.

*** Chủ thể của tội phạm**

Các tội phạm tình dục quy định trong BLHS Việt Nam 1999 là người có đủ năng lực TNHS và đạt độ tuổi theo quy định của LHS. Trong 6 tội quy định về tội phạm tình dục có đến 5 tội mà trong thực tiễn xét xử cũng như trong quá trình thi hành BLHS đến nay đòi hỏi các chủ thể ấy phải là chủ thể đặc biệt nghĩa là phải là nam giới (nữ giới chỉ đóng vai trò đồng phạm giúp sức, xúi dục, tổ chức) từ Điều 111 đến Điều 115.

Về độ tuổi: Từ Điều 111 đến Điều 114 là các tội mà quy định tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao có thể là các tội đặc biệt nghiêm trọng cho nên người phạm tội có thể là từ đủ 14 tuổi trở lên và phải có đủ năng lực TNHS (theo Điều 113 thì người đủ 14 tuổi trở lên có thể phạm tội ở các khoản 2, 3, 4 của điều này). Còn đối với Điều 115, Điều 116 thì người phạm tội phải có đủ năng lực TNHS và phải là người đã thành niên đủ 18 tuổi trở lên. Ở các tội này mức độ nguy hiểm không cao bằng các tội từ Điều 111 đến Điều 114, mức độ nguy hiểm của hai tội này cao nhất ở mức độ rất nguy hiểm cho nên việc quy định độ tuổi với hai tội này là hợp lý [1, tr.43].

2.2. Đường lối xử lý đối với các tội phạm tình dục theo Bộ luật hình sự Việt Nam

BLHS Việt Nam 1985 coi các tội này nằm trong các chương các tội xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của người khác là một trong các chương quan trọng xếp sau chương về các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Đến BLHS năm 1999, vị trí của nó vẫn không bị thay đổi đã nói lên tầm quan trọng của khách thể là các tội này cần được quan tâm, bảo vệ. Hiện nay, trong quá trình hội nhập, phát triển kinh tế kéo theo những vấn đề mà pháp LHS Việt Nam cần phải hoàn thiện dần để có những lối xử lý phù hợp để làm sao vừa có tính chất răn đe, vừa có thể cải tạo con người trở lại với xã hội [4, tr.21].

Sự quan tâm đặc biệt ấy chính là thể hệ trẻ Việt Nam mầm non tương lai của đất nước, nhất là khi nạn buôn bán trẻ trong mấy năm gần đây có xu hướng gia tăng, nhất là tình trạng trẻ em bị lạm dụng về tình dục có chiều hướng gia tăng nhiều cần phải được lên án và trừng trị thật đích đáng. Nó không chỉ ảnh hưởng rất lớn đến dư luận của xã hội mà đối với các em nó có ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng, lối sống, tinh thần sự phát triển bình thường về thể chất của các em. Nhìn vào 6 tội, chúng ta có thể nhận thấy có thể 4 tội có quy định người bị hại là người chưa thành niên, là trẻ em (dưới 16 tuổi) đó là các tội: Hiếp dâm trẻ em (Điều 12), tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114), tội dâm ô với trẻ em (Điều 116). Qua đó cho thấy chính sách hình sự của Nhà nước ta với các tội này rất nghiêm khắc. Trong 6 tội có 01 tội mà quy định mức hình phạt cao nhất là tử hình áp dụng đối với tội quy định ở Điều 112 cho thấy đối với tội này chính sách hình sự rất nghiêm khắc. Vì thực tế hành vi của hai tội này rất nguy hiểm, nó làm mất đi giá trị về cách cư xử chung của con người. kẻ phạm tội bằng hành vi của mình nhằm giao cấu với nạn nhân mà việc giao cấu ấy trái với ý muốn của nạn nhân đã dẫn đến hậu quả nghiêm trọng cho nạn nhân không chỉ về mặt thể xác mà về mặt tinh thần rất lớn. Nhiều trường hợp dẫn đến việc họ tìm đến cái chết do xấu hổ với mọi người xung quanh, nhiều vụ án còn gây ra nỗi lo sợ, hoang mang trong xã hội, tạo dư luận lên án rất gay gắt và nhất là đối với các vụ án mang tính loạn luân.

Trong 6 tội chỉ có tội dâm ô là khung hình phạt cơ bản thấp (trong đó áp dụng với tội ít nghiêm trọng là khung hình phạt từ 6 tháng đến 3 năm). Các tội khác đều quy định mức hình phạt cao áp dụng cho các tội phạm rất nghiêm trọng và tội đặc biệt nghiêm trọng như đối với các tội cưỡng dâm (Điều 113), tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114) quy định mức hình phạt cao nhất là tù chung thân.

Đối với tội giao cấu với người chưa thành niên (Điều 115), tội dâm ô

với trẻ em (Điều 116) có khung hình phạt áp dụng là tương đối cao. Đối với tội giao cấu với trẻ em (Điều 15) có khung hình phạt cao nhất cũng là 15 năm tù, mặc dù đối với tội này việc giao cấu có sự đồng ý của người bị hại song để bảo vệ người chưa thành niên chưa có sự nhận thức được rõ ràng, kém hiểu biết dễ bị rủ rê, lừa bịp cho nên nhà làm luật đã có quy định nhằm mục đích răn đe kẻ phạm tội và nhằm bảo vệ các em, tạo môi trường cho các em trưởng thành một cách lành mạnh, toàn diện hơn. Ngoài ra, còn hạn chế nạn tảo hôn do sự kém hiểu biết về pháp luật cũng như răn đe, giáo dục những kẻ cố ý làm trái các quy định của pháp luật về kết hôn [16, tr.34].

Đối với tội dâm ô với trẻ em điều 116, khung hình phạt cao nhất là 12 năm. Ở đây tuy chưa có hành vi giao cấu song các nhà làm luật vẫn quy định việc áp dụng các biện pháp nghiêm khắc bởi lẽ hành vi phạm tội sẽ dẫn đến sự phát triển không bình thường, lệch lạc về thể chất, tâm lý của các em, gây ảnh hưởng xấu đến các em đang ở độ tuổi mới lớn và nhất là các em đang trong quá trình định hình nhân cách sẽ rất dễ đưa các em vào con đường có những suy nghĩ, hành động xấu. Nó có thể gây ra những hậu quả tai hại cho các em như việc các em xấu hổ quá mà bỏ nhà đi lang thang dễ dẫn đến hư hỏng gia đình phải tốn nhiều công sức để tìm kiếm, gây ra những dư luận xấu trong nhân dân, làm mất đi thuần phong mỹ tục của cả dân tộc ta đã gìn giữ từ lâu đời.

2.3. Thực tiễn xét xử các tội phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2014

2.3.1. *Khái quát tình hình tội phạm nói chung ở tỉnh Đắk Lắk*

Như chúng ta đã biết, tình trạng phạm tội nó là một hiện tượng xã hội cho nên nó tồn tại một cách khách quan và chịu sự tác động qua lại của các hiện tượng xã hội khác nhau. Vì thế, nó thay đổi một cách thường xuyên và vào từng giai đoạn khác nhau, có thể nhận thấy sự thay đổi cả về lượng và cả về chất. Và mỗi sự thay đổi đó đều gắn liền với một sự thay đổi, biến động một hiện tượng khách quan của xã hội. Vì thế, muốn nắm được tình hình thì

phải nghiên cứu nó trong một khoảng thời gian và một phạm vi nhất định. Mà ở đây chỉ nói đến số liệu cụ thể của tình hình phạm tội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và trong một khoảng thời gian nhất định là từ năm 2009-2014. Từ những số liệu này sẽ cho chúng ta một cách đánh giá chung nhất về tình trạng phạm tội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói chung và tình trạng phạm các tội tình dục nói riêng trên địa bàn tỉnh từ 2009- 2014.

Trong giai đoạn 6 năm từ năm 2009-2014, Đắk Lắk có những biến đổi mạnh về kinh tế và cả về mặt xã hội và nhất là sự chuyển biến mạnh về cơ cấu của các ngành kinh tế mà ở đây ngành kinh tế dịch vụ có những bước phát triển nhảy vọt, đóng góp phần lớn vào GDP của toàn tỉnh. Với quy hoạch đã được Thủ tướng phê duyệt, trong đó có thành phố Buôn Ma Thuột sẽ là thành phố trung tâm các tỉnh Tây nguyên thì đây là cơ hội thật hiếm có cho toàn tỉnh phát triển và cũng đặt cho tỉnh nhiều khó khăn là làm sao phải đảm bảo được trật tự trị an, an toàn xã hội để tạo điều kiện cho nhân dân làm ăn sinh sống và các nhà đầu tư cảm thấy an tâm khi đầu tư vào Đắk Lắk, biến tỉnh này thành một điểm đến thật an toàn [31, tr.10].

Song mấy năm gần đây, tình hình tội phạm trong tỉnh diễn biến hết sức phức tạp. Chúng ta có thể thấy nhận định đó trong bảng thống kê sau:

Bảng 2.1: Thống kê án hình sự sơ thẩm từ năm 2009-2014

<i>Năm</i>	<i>Mục</i>	<i>Số vụ án đã thụ lý</i>	<i>Số bị cáo</i>	<i>Số vụ án đã giải quyết</i>	<i>Số bị cáo đã giải quyết</i>
2009	Tổng các loại tội	1605	3073	1559	2951
2010	Tổng các loại tội	1322	2395	1974	3627
2011	Tổng các loại tội	1430	2655	1397	2551
2012	Tổng các loại tội	1667	3272	1639	3200
2013	Tổng các loại tội	1569	3107	1543	3020
2014	Tổng các loại tội	1583	3240	1559	3183
6 năm	Tổng	7643	14155	7437	14068

(Nguồn từ TAND tỉnh Đắk Lắk)

Nhìn vào bảng thống kê, chúng ta có thể rút ra một số những nhận xét chung về tình hình phạm tội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong những năm gần đây như sau:

Thứ nhất, số vụ án xảy ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong các năm là không đồng đều, điều này cho thấy tình hình tội phạm có diễn biến khá phức tạp. Trong đó cao nhất là năm 2012 với con số là 1.667 vụ xảy ra đã giải quyết được 1.639 vụ trong năm và có thể coi là năm điển hình về tình trạng phạm tội cả về số lượng và diễn biến phức tạp của nó với số bị cáo lên đến 3.272 (bị cáo), trong đó có 3.200 bị cáo đã xét xử (trong năm).

Nhìn chung các vụ án xảy ra trong tỉnh trong năm năm gần đây có xu hướng gia tăng nhưng chiều hướng đó không đáng kể, có thể thấy điều này khi nhìn vào 3 năm gần đây nhất năm 2011 có 1.430 vụ; năm 2012 có 1.667 vụ tăng 237 vụ so với năm 2011; năm 2014 có 1.583 vụ tăng 147 vụ so với năm 2011. Điều này chứng tỏ một điều là tình trạng phạm tội trong mấy năm gần đây có chiều hướng tăng mạnh mà chỉ tập trung vào một số lĩnh vực nhất định.

Thứ hai, số bị cáo trong các vụ án xảy ra trong các năm gần đây có chiều hướng gia tăng [31, tr.12].

Bảng 2.2: Thống kê án hình sự sơ thẩm từ năm 2009-2014

Mục Năm	Số bị cáo	Số bị cáo đã giải quyết	Tỷ lệ bị cáo trong một vụ
2009	3073	2951	1,91
2010	2395	2346	1,81
2011	2655	2551	1,85
2012	3272	3200	1,96
2013	3107	3020	1,98
2014	3240	3183	2,05
Tổng	17308	17251	

(Nguồn từ TAND tỉnh Đắk Lắk)

Nhìn vào bảng thống kê cho thấy: mặc dù số vụ án và số bị cáo ở các năm đều tăng và giữa các năm đã có sự chênh lệch. Điều này có thể rút ra một kết luận là số người đồng phạm trong cùng một vụ án tăng lên, nó nói lên tính chất đồng phạm trong cùng một vụ án và tính nguy hiểm của các vụ án xảy ra, quy mô tổ chức phạm tội ngày càng chặt chẽ trong mấy năm gần đây là đã gia tăng. Nếu chỉ xem năm 2012 số vụ án xảy ra là 1.667 (vụ) cao nhất trong sáu năm nhưng số lượng bị cáo chỉ là 3.272 (bị cáo), tỉ lệ là 1,96 bị cáo trong một vụ.

Cũng phải thừa nhận một thực tế là các vụ án cố ý gây thương tích chiếm một tỉ lệ khá lớn trong các vụ án xảy ra và có chiều hướng tiếp tục gia tăng cả về số lượng và cả về tính chất đồng phạm của các vụ án trong các năm tới đây. Trong đó, nhất là các vụ án về cố ý gây thương tích có chiều hướng tăng nhanh chủ yếu ở các khu vực nông thôn, nơi mà thanh niên thường tụ tập rồi dẫn đến gây gổ đánh nhau. Vì thế, nếu làm tốt công tác đấu tranh, phòng chống các tội này thì tình trạng phạm tội trong tỉnh sẽ giảm đi.

Nếu nhìn vào tổng số bị cáo trong năm năm gần đây là có đến 14.068 bị cáo so với số dân tỉnh là 1,8 triệu người, tức là trong sáu năm qua cứ trong 400 người dân thì có một người phạm tội [31, tr.5].

2.3.2. Thực trạng tình hình xét xử các tội phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2014

Trong xu thế của quá trình phát triển đã kéo theo nó là sự phát triển ồ ạt của các loại hình giải trí, văn hóa xâm nhập từ ngoài vào mà trong đó các loại hình giải trí không lành mạnh mang nội dung đồi trụy mà các cơ quan chức năng chưa kiểm soát hết được đã có tác động không nhỏ vào một bộ phận những người có lối sống không lành mạnh và đầu độc một số lượng không nhỏ các thanh thiếu niên trong tỉnh gây ra nhiều dư luận bức xúc của nhân dân trong tỉnh thời gian qua và nhất là một tỉnh có du lịch và là trung tâm kinh tế

của các Tỉnh tây nguyên, có đường giao thông đi các tỉnh phía nam tương đối thuận lợi cho nên trong quá trình giao lưu buôn bán, vận chuyển hàng hóa người xấu đã lợi dụng để truyền bá các loại hình văn hóa phẩm có nội dung không lành mạnh để đầu độc con người. Thêm nữa, sự phát triển ồ ạt của các loại hình Internet mà thiếu sự quản lý của các cơ quan chức năng khiến việc lan truyền các trang Web đen có nội dung đồi trụy đã đầu độc không nhỏ mà chủ yếu là tầng lớp thanh thiếu niên, làm cho các em có những suy nghĩ không tốt đến đạo đức sống, dễ gây ra những hậu quả khôn lường. Cùng với đó là sự tha hóa đạo đức sống của một người hiện nay làm cho các vụ án tình dục trên địa bàn đã xảy ra không còn là xa lạ. Chúng ta có thể nhìn vào bảng thống kê sau:

Bảng 2.3: Thống kê các vụ án tình dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk từ năm 2009- 2014

Mục Năm	<i>Số vụ án đã thụ lý</i>	<i>Số bị cáo</i>	<i>Số vụ án đã giải quyết</i>	<i>Số bị cáo đã giải quyết</i>	<i>Tỷ lệ bị cáo/vụ án</i>	<i>Số vụ án tăng hàng năm</i>
2009	51	55	48	52	1,07	
2010	37	39	32	34	1,05	-14
2011	43	57	38	50	1,32	06
2012	65	76	61	72	1,16	22
2013	76	82	70	76	1,07	11
2014	78	103	70	92	1,32	2
Tổng	350	412	319	376	1,18	

(Nguồn từ TAND tỉnh Đắk Lắk)

Nhìn vào bảng thống kê cho ta thấy, số vụ án tình dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có xu hướng giảm nhưng đến năm 2012 lại tăng trở lại, số vụ án xảy ra trong các năm tương đối đồng đều về số vụ xảy ra, chỉ riêng năm 2011 có

giảm xuống còn 43 vụ so với năm 2011, nhưng đến năm 2012 lại tăng thêm 22 vụ, đến năm 2014 tăng 35 vụ so với 2011. Điều này cho thấy trong các năm từ năm 2009 – 2014 số vụ xảy ra không có chiều hướng thuyên giảm, do đó công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm những năm gần đây chưa có hiệu quả. Vì thế, công tác đấu tranh, phòng chống nhóm tội phạm này cần phải tiến thêm một bước mới, để làm sao hạn chế số vụ án xảy ra và đồng thời phát hiện, xử lý kịp thời những vụ án đã xảy ra thật nghiêm minh [31, tr.16].

Xem bảng thống kê sau:

Bảng 2.4: Thống kê số lượng bị cáo trong các vụ án tình dục từ năm 2009 - 2014

Mục	Năm					
	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng số vụ án	1605	1322	1430	1667	1569	1583
Tổng số bị cáo	3073	2395	2655	3272	3107	3240
Tổng số vụ án về tình dục	51	37	43	76	65	78
Tổng số bị cáo trong các vụ án về TD	55	39	57	82	76	103
Tỷ lệ án về tội TD/ Tổng số các án	0,032%	0,03%	0,03 %	0,045%	0,04%	0,049%
Tỷ lệ bị cáo về tội TD/ Tổng số các bị cáo	0,018%	0,016%	0,021%	0,025%	0,024%	0,032%

(Nguồn từ TAND tỉnh Đắk Lắk)

Số lượng bị cáo trong các vụ án tình dục năm 2012 và 2014 tăng nhanh. Nếu nhìn vào năm 2010; 2011 mặc dù số lượng vụ án ít hơn năm 2010 và năm 2011 nhưng số bị cáo phạm tội tương đương với số bị cáo trong 2 năm 2010 và năm 2012 điều này cho thấy tính chất đồng phạm trong các vụ án đã có chiều hướng tăng, nếu năm 2009 chỉ có 1,07 bị cáo trong một vụ án; đến năm 2010 là 1,16 bị cáo/ 1(vụ) thì đến năm 2011 là 1,32 bị cáo/1 vụ án; năm 2012 là 1,16 bị cáo / 1 (vụ án), năm 2014 là 1,67 bị cáo/1 vụ án đã nói lên tính chất nghiêm trọng của các vụ án cũng tăng theo mà chủ yếu các vụ án này có

nhiều đồng phạm cùng tham gia có nhiều vụ án còn mang tính tổ chức cao chủ yếu các án này là các án về tội hiếp dâm. Có thể nói tính chất và mức độ của các tội này nghiêm trọng mà nó chiếm một lượng không nhỏ trong tổng số các tội phạm tình dục trên địa bàn tỉnh trong mấy năm gần đây.

Trong các tội phạm về tình dục được thực hiện hàng năm tỷ lệ các tội phạm hiếp dâm, hiếp dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em là hay xảy ra, chiếm tỷ lệ lớn nhất. Ví dụ: năm 2014 có 78 vụ án/103 bị cáo về các tội phạm tình dục xảy ra ở Đắk Lắk thì các vụ án hiếp dâm (Điều 111) là 22/43 bị cáo; tội hiếp dâm trẻ em là 32 vụ/36 bị cáo; tội giao cấu với trẻ em có 19 vụ/19 bị cáo; tội cưỡng dâm có 1 vụ/1 bị cáo; tội dâm ô với trẻ em có 4 vụ/4 bị cáo.

Sau đây là trích dẫn vụ án phạm tội hiếp dâm mà có nhiều đồng phạm xảy ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Bản án sơ thẩm số 19/HSST ngày 20/07/2011 về tội hiếp dâm. Sau đây là nội dung của vụ án:

Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 03/03/2011, sau khi uống cà phê ở quán cà phê Phiêu Linh. Trần Văn Hiển, Phan Văn Truyền, Thân Văn Đoàn rủ Nguyễn Thị Ánh Hồng, Cao Thị Tuyết và Đinh Thị Ánh Hồng đến nhà nghỉ Thanh Thảo ở Trung Tâm huyện Buôn Đôn để hát karaoke. Tại đây tất cả vừa hát vừa uống hết 02 lít rượu. Do uống nhiều rượu nên chị Nguyễn Thị Ánh Hồng đã say, nằm ở ghế trong phòng hát karaoke, thấy vậy Hiển nói với Truyền thuê một phòng cho Nguyễn Thị Ánh Hồng nằm nghỉ lại, sau khi thuê phòng xong, Truyền quay lại phòng Karaoke bế chị Hồng xuống phòng nghỉ rồi đặt xuống giường, thấy chị Hồng đang trong tình trạng say rượu không thể tự vệ được. Truyền nảy sinh ý định giao cấu với chị Hồng rồi đi đến phòng karaoke gọi Hiển ra ngoài nói “Cậu ơi cho con xử con này nha” Hiển nói “Tùy mày”. Truyền quay lại phòng chị Hồng cởi áo khoác, quần dài của chị Hồng và quần của mình ra, sau đó đặt chị Hồng với tư thế nằm ngửa rồi nằm

đè lên người của chị Hồng, Truyền hôn vào môi của chị Hồng, làm cho chị Hồng thức tỉnh, chống cự, cắn mạnh vào môi trên của Truyền, bị đau nên Truyền buông chị Hồng ra và mặc quần áo của mình vào rồi đến nói với Hiền “Cậu ơi cháu không làm gì được, cậu có kinh nghiệm vào làm gì thì làm” thấy vậy Hiền nảy sinh ý định giao cấu với chị Hồng rồi đi một mình đến phòng thấy chị Hồng đang nằm ngửa trong tình trạng say rượu, mặc áo, không mặc quần dài, lợi dụng dục vọng nên Hiền cởi quần của mình ra, sau đó cởi quần lót của chị Hồng rồi nằm đè lên người ôm chặt chị Hồng rồi đưa dương vật vào âm đạo của chị Hồng để thực hiện hành vi giao cấu, do bị đau nên chị Hồng chống cự quyết liệt, cắn mạnh vào cánh tay trái của Hiền, do bị đau nên Hiền buông chị Hồng ra rồi mặc quần áo của mình đi đến phòng Karaôkê gặp Phan Văn Truyền, Thân Văn Đoàn, Đinh Thị Ánh Hồng và Cao Thị Tuyết. Hiền nói cho mọi người biết vết thương của mình bị Hồng cắn và nói “*con kia nó say nó cắn tao*”. Sau đó tất cả đi về để một mình chị Nguyễn Thị Ánh Hồng nằm ở lại nhà nghỉ Thanh Thảo.

Đến sáng ngày 04/03/2011, khi tỉnh dậy Nguyễn Thị Ánh Hồng thấy mình đang nằm trên giường ở nhà nghỉ Thanh Thảo, mặc áo, không mặc quần và thấy chảy máu và đau ở bộ phận sinh dục, biết mình bị người khác giao cấu nên chị đã trình báo Công an huyện Buôn Đôn điều tra giải quyết.

Tại biên bản kết luận pháp y sinh dục số: 236/PY – SD ngày 06/03/2011 của trung tâm pháp y sớ Y tế tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Nguyễn Thị Ánh Hồng bị rách mới màng trinh ở vị trí: 3 giờ, 6 giờ, 9 giờ; rách mới tầng sinh môn ở vị trí 6 giờ.

Tòa đã tuyên án: Các bị cáo Trần Văn Hiền và Phan Văn Truyền phạm tội “Hiếp dâm”.

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 111; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Hiền 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 06/03/2011.

Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 111; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 và Điều 47 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn Truyền 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 06/03/2011.

Nếu nhìn vào bảng số liệu để so sánh số vụ án tình dục so với số vụ án xảy ra trong các năm thì về số lượng các vụ án về tội phạm tình dục chiếm một lượng khá nhỏ. Điều này cho thấy tình hình tội phạm tình dục mấy năm gần đây xảy ra trên địa bàn tỉnh là không đáng kể, nhưng nói về mức độ hậu quả nó gây cho xã hội là rất lớn, nó không chỉ tác động về mặt pháp lý mà về mặt xã hội nó cũng có tác động rất lớn, nhiều vụ án đây đến nỗi hoang mang lo sợ trong nhân dân, gây ra những dư luận phản uất, làm mất đi luân thường, đạo lý của nhân dân ta nhất là các vụ cán có tính loạn luân [27, tr.24].

**** Về cơ cấu tội phạm***

Trong 6 tội về tình dục thì các tội dâm ô với trẻ em Điều 116, tội cưỡng dâm xảy ra trên địa bàn tỉnh là khá ít, theo thống kê những vụ án về tội cưỡng dâm ở điều 113, 114 chỉ có 1,2 vụ xảy ra. Trong khi đó, các tội về hiếp dâm một số lượng khá lớn trong tổng các tội phạm tình dục xảy ra trên địa bàn tỉnh trong mấy năm gần đây chiếm tới 75,4, mà nhất là các tội về hiếp dâm trẻ em và giao cấu với người chưa thành niên xảy ra tương đối nhiều và điều này cho thấy sự đáng báo động về sự tha hóa đạo đức của một số người trong xã hội. Trong đó các vụ án có tính chất loạn luân chiếm một số lượng không nhỏ trong tổng số các vụ án tình dục xảy ra trong tỉnh trong 5 năm vừa qua chiếm 12,5%, nhiều vụ án xảy ra có tính chất loạn luân rất nghiêm trọng, gây nhiều dư luận không tốt trong nhân dân của tỉnh. Có thể xem vụ án Nguyễn Đình Tường hiếp con đẻ bị xét xử tội “Hiếp dâm trẻ em”.

Bản án số 11/HSST ngày 25/02/2011 của TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử đối với Phan Huy Xuân về tội hiếp dâm trẻ em. Nội dung án như sau:

Phan Huy Xuân và chị Đàm Thị Hợp có một con gái là cháu Phan Thị Hằng, sinh ngày 27/4/1999... Vậy mà, quá trình điều tra xác định:

Lần thứ nhất: Vào buổi sáng một ngày cuối năm 2009, Xuân đi thả lưới đánh cá về nhà, thấy cháu Hằng đang ở nhà một mình và đang nằm trong buồng ngủ. Xuân nảy sinh ý định giao cấu với cháu Hằng. Xuân cởi quần cháu Hằng và thực hiện hành vi giao cấu với cháu Hằng. Trong lúc Xuân đang giao cấu với cháu Hằng, thì ông Trần Hà Tình đi làm cỏ sát vách nhà bà Hợp nhìn thấy. Ông Tình gọi cháu Hằng, thì cháu Hằng và Xuân mặc quần đi ra phòng khách, ông Tình nhắc nhở Xuân không được giao cấu với cháu Hằng. Sau đó, ông Tình đến gặp chị Đàm Thị Dung và chị Nông Thị Hương, là hàng xóm với bà Hợp và nói cho chị Dung và chị Hương nghe, việc Xuân giao cấu với cháu Hằng, nhưng chị Dung và chị Hương không tin và cho rằng ông Tình đã già, nên nói năng lảm cẩm.

Vào thời gian tiếp theo, cũng tại phòng ngủ trong nhà bà Hợp, Xuân đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu Hằng nhưng Xuân và cháu Hằng không nhớ cụ thể bao nhiêu lần.

Lần cuối cùng: Sáng ngày 07 - 5- 2010, bà Hợp đi làm vắng nhà, Xuân cho cháu Hằng 5.000đ để ăn sáng, rồi Xuân đi đánh cá, còn cháu Hằng đi chăn bò. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, Xuân về nằm nghỉ ở giường trong buồng, lúc này cháu Hằng đi chăn bò về, vào buồng thay quần áo, thấy vậy Xuân kéo cháu Hằng lên giường và thực hiện hành vi giao cấu với cháu Hằng.

Ngày 08 – 5 – 2010, cháu Hằng đến quán chị Hương mua kẹo. Chị Hương nghi ngờ việc ông Tình nói Xuân giao cấu với cháu Hằng, nên đã hỏi cháu Hằng và cháu Hằng đã kể cho chị Hương nghe việc bị Xuân giao cấu. Sau đó, chị Hương đã nói lại cho bà Hợp biết. Khi bà Hợp hỏi, thì cháu Hằng

đã kể lại cho mẹ biết việc bị Xuân giao cấu. Bà Hợp đã đưa cháu Hằng đến công an huyện Ea Sup và tố cáo hành vi phạm tội của Xuân.

Bản kết luận pháp y tình dục số 443 ngày 10 – 5 – 2010, của trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Cháu Hoàng Thị Hằng bị chấn thương bộ phận sinh dục ngoài, lỗ màng trinh giãn rộng.

Áp dụng khoản 4 Điều 112 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS.

Xử phạt: **Phan Huy Xuân 20** (Hai mươi) năm tù về tội: Hiếp dâm trẻ em.

Không những thế, các tội phạm tình dục đã xảy ra trên địa bàn tỉnh nhiều vụ án còn có nhiều các tình tiết tăng nặng thành khung hình phạt như: phạm tội nhiều lần, nhiều người cùng phạm tội cùng với một người,... Những tình tiết phạm tội này không những nói lên tính chất lặp đi, lặp lại của cùng một hành vi phạm tội mà còn nói lên tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, thể hiện ra hành vi phạm tội không chỉ là nhất thời mà là hành vi phạm tội có chủ định tước, do ý thức cố ý của kẻ phạm tội. Trong đó những vụ án có tình tiết tái phạm hầu như không có.

Chúng ta có thể thấy ví dụ sau về vụ án Nguyễn Văn Trường phạm tội giao cấu với người chưa thành niên nhiều lần, để thấy rõ hành vi phạm tội còn phụ thuộc nhiều vào lối sống của kẻ phạm tội.

Bản án số 34/2003/HSST, ngày 16/8/2013 của TAND huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, xét xử Nguyễn Văn Trường về tội “giao cấu với người chưa thành niên”. Nội dung vụ án như sau:

Khoảng 11h trưa ngày 30/5/2012, Nguyễn Văn Trường sinh năm 1988, Trú tại: Thôn 6, xã CuôrKnia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk, đi xe đạp từ nhà đến nhà bà Nguyễn Thị Hơ ở Thôn 4, xã CuôrKnia, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Trong lúc ngồi chơi với bà Hơ, Trường đã nói dối bà Hơ tên mình là Dũng ở cùng xã, hiện chưa có vợ muốn bà giới thiệu cho một cô để

tìm hiểu để lấy làm vợ. Khi ngồi chơi nói chuyện với bà Hôn, Trường nhìn thấy cháu Mai Thị Thu Trinh sinh ngày 03/9/1996 là cháu nội bà Hôn đang ở độ tuổi dậy thì, Trường hỏi bà Hôn “Trinh là cháu hay là con bà” bà Hôn trả lời “Trinh là cháu nội, bố mẹ cháu đi miền Nam làm ăn, cho nên cháu ở với ông bà nội nuôi cho đi ăn học”. Trưa hôm đó, bà Hôn dẫn Nguyễn Văn Trường sang nhà ông Thiệp ở gần đó để giới thiệu cho Trường tìm hiểu cô Hồng, nhưng Hồng không có nhà nên Trường đi xe về và nảy ra ý định quan hệ tình dục với cháu Trinh.

- Lần thứ nhất: Khoảng 20h ngày 30/05/2012 Trường đến nhà bà Hôn nhờ bà dẫn sang nhà một cô chưa chồng để tìm hiểu. Bà Hôn bảo cháu Trinh dẫn Trường sang nhà ông Hiền gần đó để tìm hiểu chị Hiền nhưng Hiền không có nhà. Trên đường về nhà Trường rủ rê và dẫn cháu Trinh vào vườn bắp cách nhà Trinh khoảng 50m rồi ôm hôn sờ mó vào ngực, vào âm hộ, thấy cháu Trinh không có phản ứng gì, Trường bảo Trinh nằm xuống rồi tụt quần cháu Trinh xuống qua đầu gối, Trường tự cởi quần mình rồi đè lên bụng cháu Trinh tư thế hai tay chống xuống đất, Trường bảo Trinh cầm dương vật của mình cho vào âm hộ. Trường ấn dương vật của mình vào sâu trong âm đạo của cháu Trinh, giao cấu được 15 phút thì xuất tinh. Quá trình thực hiện việc giao cấu cháu Trinh không có phản ứng gì, quan hệ xong Trường dẫn cháu về nhà xin phép bà Hôn đưa cháu Trinh đi chơi nhưng bà Hôn không đồng ý nên Trường về nhà.

- Lần thứ hai: Khoảng 21h ngày 01/6/2012 Trường đạp xe đến nhà bà Hôn, thấy gia đình bà Hôn đã đi ngủ, biết cháu Trinh ngủ một mình ở nhà dưới Trường để xe đạp ở sân rồi đi vào nhà thấy cửa khép chỉ chèn viên gạch phía trong, Trường đẩy cửa vào nhà đến giường cháu Trinh đang nằm ngủ, Trường vào bên cạnh Trinh sờ vào người cháu Trinh, thấy vậy Trinh giật mình tỉnh dậy, Trường nói anh mà “Chờ anh một chút nhé” rồi ra ngoài dắt xe

đạp vào trong khép cửa lại lên giường nằm với Trinh và nói rằng “đằng nào em cũng là vợ anh, anh sẽ cưới em làm vợ... “rồi Trường cởi quần cháu Trinh ra và bảo Trinh tự cởi áo của mình rồi sờ ngực, âm hộ của cháu Trinh, sau đó Trường nằm lên bụng và bảo cháu Trinh cầm dương vật cho vào âm hộ của mình, Trường đưa dương vật vào sâu trong âm đạo, giao cấu được 15 phút thì xuất tinh. Sau khi giao cấu xong Trường rủ Trinh đi chơi. Trinh đồng ý, Trường đưa xe đạp ra ngoài và chở Trinh đi chơi.

- Lần thứ 3: Khoảng 22h ngày 03/6/2012 Trường đến nhà rủ Trinh đi dạo chơi, trên đường đi Trường nói đến nhà bạn Trường ở xã Ea Bar chơi, khi đi qua cây cầu gần Ủy Ban nhân dân xã CuôrKnia, Trường dừng lại ở ven đường rồi ôm, hôn, xoa vào ngực, âm hộ của cháu Trinh, sau đó dẫn Trinh vào rẫy điều rồi bảo Trinh nằm xuống đất Trường kéo quần cháu Trinh và của mình ra rồi nằm đè lên bụng của cháu Trinh cho dương vật vào âm đạo của cháu Trinh để giao cấu, Trinh không phản ứng gì khoảng 5 - 6 phút thì xuất tinh, sau đó Trinh tự mặc quần áo rồi Trường và Trinh tiếp tục đi chơi.

Đến tháng 06 năm 2012 bà Mai Thị Thu là mẹ của Trinh phát hiện Trinh có thai. Tuy nhiên bà Thu không báo sự việc trên với Cơ quan công an mà thống nhất với gia đình Trường tổ chức đám cưới cho Trường và Trinh. Quá trình chung sống, giữa Trường và Trinh xảy ra mâu thuẫn nên bà Mai Thị Thu đã làm đơn tố cáo Trường có hành vi giao cấu với Trinh tại thời điểm Trinh chưa đủ 16 tuổi. Đến tháng 03 năm 2013 Trinh đã sinh 01 bé trai lấy tên khai sinh là Mai Anh Trung.

Tại bản kết luận pháp y sinh dục số: 45/PY-SD ngày 17/12/2012 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Mai Thị Thu Trinh có thai tới tháng thứ 07.

Bản kết luận giám định ADN số 140/C45C (Đ5) ngày 09/5/2013 của Phân viện KHHS tại thành phố Đà Nẵng kết luận Nguyễn Văn Trường là cha đẻ cháu Mai Anh Trung với xác suất 99,99999%.

Hội đồng xét xử đã tuyên bố Nguyễn Văn Trường phạm tội: “Giao cấu với trẻ em”

Áp dụng điểm a, d khoản 2 Điều 115; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS. Xử phạt Nguyễn Văn Trường 03 năm 06 tháng tù

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS, các Điều 604, 605, 606, 609; 611 BLDS. Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại Mai Thị Thu Trinh tiền bồi dưỡng sức khỏe, tiền tổn thất tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm, tổng số tiền: 21.500.000 đồng [30, tr.41].

Địa điểm phạm tội

Địa điểm phạm tội xảy ra trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời gian qua có thể nhận thấy kẻ phạm tội thường lợi dụng hoặc dụ dỗ các nạn nhân để đưa vào những nơi vắng vẻ, ít người qua lại để không chế thuận lợi cho việc gây án như rẫy điều, đường vắng, nhà vắng... trong đó kẻ phạm tội kết hợp cùng với yếu tố tâm lý, địa điểm, thời gian, sơ hở thiếu cảnh giác của nạn nhân để có thể thuận lợi cho việc dễ dàng gây án như có thể lợi dụng thời điểm trời ròi, trưa vắng... Thông thường các vụ án này kẻ phạm tội thường thực hiện một cách kín đáo cho nên việc phát hiện để xử lý kịp thời là rất khó.

Tính chất mức độ nguy hiểm

Các vụ án xảy ra trên địa bàn tỉnh thì mức độ và tính chất nguy hiểm rất cao nhiều vụ án có rất nhiều tình tiết tăng nặng định khung: phạm tội nhiều lần, nhiều người cùng phạm tội, phạm tội với trẻ em, phạm tội có tính chất loạn luân. Trong đó các vụ án mà nạn nhân là trẻ em có tính chất nguy hiểm cho xã hội cao, đáng bị lên án và trừng trị nghiêm khắc, nhiều vụ án còn có tính chất loạn luân gây ra nhiều dư luận không tốt cho nhân dân.

Nhân thân người bị phạm tội

Có thể nói nhân thân người phạm tội tổng hợp những đặc điểm, dấu hiệu, mối quan hệ xã hội của người phạm tội gồm: về xã hội – nhân khẩu học, giới

tính, độ tuổi, trình độ văn hóa, địa vị xã hội, nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình, nơi sinh sống, hoàn cảnh kinh tế. Các dấu hiệu về pháp lý hình sự: tiền án, tiền sự, đông cơ, mục đích để thực hiện tội phạm...vv Các dấu hiệu về đặc điểm tâm lý: nhu cầu, sở thích, tâm lý, thói quen,... Các dấu hiệu khác: sự hiểu biết pháp luật, thái độ với pháp luật, với cơ quan bảo vệ pháp luật... Có thể nói nhân thân người phạm tội không phải là dấu hiệu cấu thành tội phạm [29, tr.21].

- *Giới tính, độ tuổi*

Có thể nói các vụ án xảy ra trên địa bàn tỉnh trong thời gian qua kẻ phạm tội đều là nam giới, chưa có trường hợp đặc biệt nào người phạm tội là nữ giới mặc dù nữ giới có thể đóng vai trò là người giúp sức.

Độ tuổi của người phạm tội có thể thấy trong bảng thống kê sau:

Bảng 2.5: Thống kê độ tuổi của người phạm tội

Nhân thân Năm	18 -30 tuổi	Chưa thành niên	>30 tuổi	Tổng
2009	03	04	08	15
2010	08	02	07	17
2011	07	02	07	16
2012	09	00	00	09
2013	07	02	08	17
Tổng	34	10	30	74
Tỷ lệ	45,94%	13,52%	40,54%	

(Nguồn từ TAND tỉnh Đắk Lắk)

Nhìn vào bảng thống kê có thể thấy số người phạm tội ở độ tuổi chưa thành niên (dưới 18 tuổi) chiếm 13,52 đây là con số không lớn nhưng so với tình hình chung đây là một con số đáng báo động về tình hình phạm tội đối với các đối tượng chưa thành niên mà nhất là các vụ án về tình dục có tính chất phạm tội nguy hiểm. Sự tha hóa về đạo đức này ở lứa tuổi vị thành niên cần đóng lên một

hồi chuông cảnh tỉnh cho các bậc phụ huynh trong việc nuôi dạy con cái mình. Số lượng những người phạm tội từ 18 - 30 chiếm số lượng nhiều nhất trong các vụ án về tính dục, có thể dễ hiểu ở các đối tượng này các đối tượng đang ở độ tuổi sung sức, tuổi ăn, tuổi chơi nếu không có sự rèn luyện về đạo đức rất dễ xa vào lối sống buông thả và dễ phạm tội. Trong đó, các đối tượng ở độ tuổi trên 30 tuổi cũng chiếm một số lượng đáng kể chiếm 40,54, đáng chú ý là trong nhóm đối tượng này nhiều đối tượng đã có gia đình rồi mà nhiều đối tượng có tuổi rồi nhưng vẫn gây án. Ở độ tuổi này các vụ án có tính chất loạn luân cũng tập nhiều ở các vụ án có đối tượng đang ở nhóm độ tuổi này.

- Trình độ văn hóa, địa vị xã hội và nghề nghiệp

Qua nghiên cứu các đối tượng phạm tội về tính dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong những năm vừa qua có thể đưa ra một nhận xét là các đối tượng hầu hết có trình học vấn rất thấp, đều chỉ mới ở trình độ cấp II và thấp hơn. Có thể dễ hiểu tại sao các đối tượng này lại như thế, đa phần đều sống ở các huyện trong tỉnh, gia đình kinh tế khó khăn cho nên việc học hành là rất khó ngoài ra có nhiều đối tượng do lười biếng không chịu học hành nên bỏ học sớm. Các đối tượng này nghề nghiệp thường không ổn định mà chủ yếu là làm ruộng. Có nhiều đối tượng trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày không chịu lao động mà chủ yếu chơi bời lêu lổng cho nên có lối sống không lành mạnh. Trình độ văn hóa cũng là một yếu tố quan trọng trong việc quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của các đối tượng này, trình độ văn hóa không có dẫn đến việc kiếm một công việc tốt là rất khó khăn, nhận thức của các đối tượng này là rất kém cho nên việc tha hóa có lối sống không lành mạnh có thể dễ hiểu.

- Hoàn cảnh gia đình, điều kiện kinh tế

Qua tìm hiểu các đối tượng gây án trên địa bàn tỉnh thời gian qua có thể nhận thấy đa số các đối tượng này có hoàn cảnh gia đình rất đặc biệt. Các đối

tượng ở độ tuổi chưa thành niên đa số có hoàn cảnh gia đình như thiếu cha, thiếu mẹ hoặc không có sự quan tâm dạy dỗ chỉ bảo của cha mẹ, những người lớn tuổi trong gia đình. Sự thiếu quản lý, giáo dục của gia đình có thể là một nguyên nhân ảnh hưởng không nhỏ đến lối sống, hành vi sai lệch của những đối tượng này. Những đối tượng này có độ tuổi trên 30 có nhiều đối tượng cũng đã ly hôn, điều này cũng dễ hiểu ở các đối tượng này thường không chịu tu chí làm, ăn chơi bời lêu lộng dẫn đến gia đình khó khăn về kinh tế, dẫn đến tình trạng ly hôn.

- *Hoàn cảnh kinh tế*: Hầu hết các đối tượng này có hoàn cảnh kinh tế hết sức khó khăn, thu nhập chủ yếu chỉ trông mong vào nông nghiệp, hơn thế nữa các đối tượng này thường không có công việc ổn định, ham chơi, lười biếng cho nên kinh tế gia đình ngày càng khó khăn hơn

- *Nơi sinh sống*

Các vụ án xảy ra chủ yếu tập trung ở các huyện trong tỉnh. Theo thống kê số vụ án xảy ra trong các nơi có đồng bào theo đạo và dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ lớn 67,5 các vụ án xảy ra trong tỉnh thời gian qua chủ yếu ở các huyện như Ea Súp, CưMgar, Buôn Đôn, nơi tập trung nhiều đồng bào dân tộc. Thông thường các nơi này tương đối khó khăn về kinh tế, không có các nghề phụ để phát triển, trình độ văn hóa của một bộ phận còn thấp cho nên dẫn đến việc hiểu biết pháp luật còn tương đối hạn chế. Một bộ phận nhỏ chưa có công ăn việc làm vẫn còn phổ biến rất dễ dẫn đến các tệ nạn xã hội mà cần đáng quan tâm giải quyết, gây ra nhiều vụ án trong thời gian qua.

- *Tiền án, tiền sự*

Hầu hết không có các trường hợp tái phạm về các tội hiếp dâm trong thời gian qua. Số đối tượng có tiền án, tiền sự chiếm con số không phải là ít mà chủ yếu là tiền án, tiền sự đối với những tội trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích... Số lượng này cũng xuất phát từ nhân thân chủ yếu là ham chơi, không chịu lao động dẫn đến trộm cắp; v.v...

- Sự hiểu biết pháp luật

Sự hiểu biết pháp luật ở các đối tượng này rất kém nó xuất phát từ trình độ văn hóa của các đối tượng này cho nên sự hiểu biết và nhận thức pháp luật còn hạn chế kèm theo đó các vùng này nhân dân còn nhiều lạc hậu cho nên việc tuyên truyền pháp luật chưa cao, cộng thêm nữa là công tác giáo dục pháp luật còn nhiều hạn chế, chưa thu hút được mọi người cho nên cần phải đẩy mạnh hơn nữa công tác này. Sự hiểu biết pháp luật kém dẫn đến việc trong suy nghĩ và hành động của các đối tượng này chỉ xuất phát từ cảm tính, suy nghĩ của cá nhân.

Có thể nhận xét chung là các tội phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong 5 năm qua, đây đã được xét xử và giải quyết một cách triệt để chưa có vụ án nào bị tồn đọng chưa giải quyết được hoặc bị cáo nào chưa giải quyết song cũng phải nói thêm là mặc dù tính chất của các vụ án rất là nguy hiểm nhưng về tính chất phạm tội thì lại không phức tạp cho nên việc điều tra và giải quyết án là không phức tạp cho nên đã xử lý được đúng người và đúng tội một cách kịp thời, đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật.

Qua các số liệu trên đây chúng ta có được một cái nhìn chung về tình trạng tội phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong 5 năm gần đây. Mặc dù còn hạn chế của luận văn chưa đưa ra được số liệu cụ thể của từng vụ án với từng tội cụ thể của từng năm nhưng đây cũng là một cố gắng của người viết, dù cho có hạn chế đó song qua các số liệu này cũng phản ánh một phần nào tình hình phạm tội tình dục trên địa bàn tỉnh trong mấy năm gần đây [31, tr.47].

2.4. Một số tồn tại, hạn chế và các nguyên nhân cơ bản

2.4.1. Một số tồn tại, hạn chế

Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về các tội phạm tình dục tại 6 điều luật với 6 tội danh. Sau gần 15 năm thi hành, Bộ luật hình sự năm 1999 đã cơ bản đáp ứng được các đòi hỏi cấp thiết của xã hội và đi vào cuộc sống, phát

huy được vai trò to lớn của mình. Bên cạnh đó, Bộ luật hình sự năm 1999 cũng đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế cần được sửa đổi bổ sung, trong đó có quy định về các tội phạm tình dục. Điều này thể hiện rất rõ thông qua việc nghiên cứu hoạt động áp dụng pháp luật đối với các quy định về loại tội này.

Nhìn chung, trong quá trình áp dụng pháp luật về các tội phạm tình dục, TAND tỉnh Đắk Lắk đã nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công tác, áp dụng đúng các quy phạm pháp luật nội dung và luật hình thức, đường lối xét xử phù hợp, quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Trong các năm qua, các TAND tỉnh đã thụ lý và giải quyết được số lượng lớn các vụ án, trong đó có nhiều vụ án phức tạp cả về tính chất của hành vi phạm tội cũng như về đường lối xử nhưng các Hội đồng xét xử luôn khách quan, công tâm, xét xử vụ án dựa trên những chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và áp dụng đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, chất lượng xét xử được đảm bảo, tuyệt đại đa số các bản án đều xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và không xử oan người vô tội [27]; [28]; [29]; [30]; [31].

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên, việc xét xử của TAND tỉnh Đắk Lắk còn có tồn tại, hạn chế và vướng mắc như sau:

Thứ nhất, bản án xét xử và quyết định hình phạt chưa nghiêm, chưa tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội.

Bản án sơ thẩm số 04/2014/HSST ngày 07/01/2014 về tội hiếp dâm trẻ em. Sau đây là nội dung vụ án:

Vào khoảng 07h30' ngày 27/7/2001, Đỗ Mạnh Huy đi từ nhà mình ở khối 12, thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk sang nhà bà

Nguyễn Thị Mẫn ở cùng khối chơi. Khi đến nơi, Huy thấy chỉ có một mình cháu Nguyễn Thị Hồng Nhiên (sinh ngày 25/03/1990) là cháu của bà Mẫn ở nhà trông nhà cho bà Mẫn nên Huy nảy sinh ý định hiếp dâm cháu Nhiên. Huy đi lại giường nơi cháu Nhiên đang ngồi xem ti vi, Huy nói chuyện sau đó cho cháu Nhiên 10.000đ rồi dùng tay cởi quần của cháu Nhiên ra rồi kéo quần của mình xuống sau đó Huy nằm đè lên người cháu Nhiên để thực hiện hành vi giao cấu, cháu Nhiên kêu la và đẩy Huy ra, bị đau cháu Nhiên khóc thì Huy không thực hiện hành vi giao cấu nữa mà thả cháu Nhiên ra rồi mặc lại quần áo đi về.

Đến khoảng 12h cùng ngày, bà Nguyễn Thị Mẫn (là dì ruột của cháu Nhiên) đi làm về thì cháu Nhiên đã kể lại sự việc cháu bị Đỗ Mạnh Huy hiếp dâm cho bà Mẫn nghe. Bà Mẫn đã tìm Đỗ Mạnh Huy hỏi thì Huy thừa nhận đã hiếp dâm cháu Nhiên sau đó Huy cùng bà Mẫn dùng xe máy chở cháu Nhiên đi cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa 333 khu vực Ea Kar, sau đó bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 26/8/2013 thì bị bắt giữ.

Tại bản Giám định pháp y số 772/GĐPY ngày 30/7/2001 của trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Cháu Nguyễn Thị Hồng Nhiên bị rách màng trinh và tầng sinh môn mới, tổn hại 35% sức khỏe.

Tại bản Cáo trạng số 73/KSĐT-HS ngày 28/11/2013 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Đỗ Mạnh Huy về tội “*Hiếp dâm trẻ em*” theo khoản 4 Điều 112 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Mạnh Huy đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà đại diện VKS công bố tại phiên tòa. Bị cáo thừa nhận: khoảng 07^h30’ ngày 27/7/2001 bị cáo lợi dụng cháu Nguyễn Thị Hồng Nhiên còn nhỏ, bị cáo cho cháu Nhiên

10.000đ rồi dùng tay cởi quần của cháu Nhiên để thực hiện hành vi hiếp dâm cháu Nguyễn Thị Hồng Nhiên tại nhà của bà Nguyễn Thị Mẫn tại khối 12 thị trấn Ea Knốp, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi bị bà Mẫn phát hiện thì bị cáo đã cùng bà Mẫn dùng xe máy chở cháu Nhiên đi cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa 333 cấp cứu. Ea Kar. Khi công an thị trấn Ea Kar mời lên làm việc do sợ nên bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 26/8/2013 thì bị bắt giữ theo lệnh truy nã.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đỗ Mạnh Huy về tội “*Hiếp dâm trẻ em*”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 112; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS để xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 10 năm tù.

Tòa án đã tuyên án: Bị cáo Đỗ Mạnh Huy phạm tội “*Hiếp dâm trẻ em*”.
Áp dụng khoản 4 Điều 112; điểm a, b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 BLHS.

Xử phạt: **ĐỖ MẠNH HUY 08 (Tám)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/8/2013.

Bản án hình sự là một dạng văn bản áp dụng pháp luật do Tòa án nhân dân Nhà nước ban hành, có tính chất bắt buộc đối với đối tượng bị áp dụng. Bản án hình sự là cơ sở để xác định một người có tội và theo Tòa án quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất trong hệ thống các biện pháp cưỡng chế của nhà nước đó là hình phạt. Hình phạt được Nhà nước sử dụng như một công cụ hữu hiệu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Mục đích của hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người phạm tội mà còn nhằm giáo dục, cải tạo và ngăn ngừa họ phạm tội mới, đồng thời giáo dục họ ý thức tôn trọng pháp luật. Vì vậy, nếu bản án của Tòa án quyết định hình

phạt nhẹ hoặc nặng hơn, không tương xứng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội sẽ làm mất tác dụng của hình phạt, không đảm bảo sự công bằng, nghiêm minh hoặc không thể hiện được tính nhân đạo, sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội, làm mất lòng tin của nhân dân vào pháp luật.

Thứ hai, bản án, quyết định của Tòa án không thống nhất về đường lối xét xử.

Bản án sơ thẩm số 50/2009/HSST ngày 08/06/2009 về tội hiếp dâm trẻ em. Sau đây là nội dung vụ án:

Tháng 8- 2008, Lang Văn Nghĩa cùng với mẹ là Nguyễn Thị Hoa, từ Nghệ An vào Đắk Lắk, tạm trú tại thôn 6- xã Cư Mlan- huyện Ea Sup làm thuê. Khoảng 19 giờ ngày 23- 12- 2008, Nghĩa cùng với mẹ sang nhà chị Lê Thị Giang ở bên cạnh để xem ti vi. Thấy Nghĩa đến, cháu Lương Thị Trang là con gái chị Giang, chạy ra vui đùa với Nghĩa ngoài hiên nhà và đòi Nghĩa bế. Nghĩa bế cháu Trang lên, cháu Trang ôm lấy Nghĩa, Nghĩa nảy sinh ý định giao cấu với cháu Trang. Lúc này, chị Hoa và chị Giang đang xem ti vi trong nhà, Nghĩa cởi quần cháu Trang và thực hiện hành vi giao cấu với cháu Trang. Sau khi giao cấu xong, Nghĩa thả cháu Trang xuống đất và cháu Trang đi vào nhà. Sau khi mẹ con Nghĩa đi về nhà, cháu Trang kêu đau ở bộ phận sinh dục, chị Giang hỏi cháu Trang tại sao bị đau, thì cháu Trang mô tả động tác bị Nghĩa giao cấu, chị Giang kiểm tra và thấy bộ phận sinh dục cháu Trang bị bầm đỏ.

Sau khi về nhà, Nghĩa quay trở lại nhà chị Giang để tiếp tục xem ti vi, chị Giang hỏi Nghĩa về việc Nghĩa giao cấu với cháu Trang, Nghĩa thừa nhận và xin lỗi chị Giang. Sáng hôm sau, chị Giang nói với mẹ Nghĩa về việc Nghĩa giao cấu với cháu Trang, Nghĩa bỏ trốn vào rừng.

Bản kết luận pháp y tình dục số 1184 ngày 25- 12- 2008, của trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk đã kết luận: Cháu Lương Thị Trang bị chấn thương bộ phận sinh dục ngoài, không rách màng trinh.

Bản cáo trạng số 42 ngày 18- 5 -2009, của VKSND tỉnh Đắk Lắk truy tố Lang Văn Nghĩa về tội: “Hiếp dâm trẻ em” , theo khoản 4 Điều 112 BLHS.

Tại phiên tòa Lang Văn Nghĩa khai nhận: Khoảng 19 giờ ngày 23-12- 2008, bị cáo cùng với mẹ là Nguyễn Thị Hoa sang nhà bà Lê Thị Giang xem ti vi, cháu Trang là con gái bà Hoa chạy ra chơi đùa với bị cáo ngoài hiên nhà. Trong lúc chơi đùa với cháu Trang, bị cáo đã cởi quần cháu Trang và thực hiện hành vi giao cấu với cháu Trang.

Tại phiên tòa, đại diện VKS giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lang Văn Nghĩa và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 112 BLHS, các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 BLHS, xử phạt bị cáo từ 15 năm đến 16 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”

Tòa án tuyên phạt: Bị cáo Lang Văn Nghĩa phạm tội “Hiếp dâm trẻ em”

Áp dụng khoản 4 Điều 112 BLHS, các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, khoản 1 Điều 74 BLHS.

Xử phạt: LANG VĂN NGHĨA 15 năm tù về tội: “Hiếp dâm trẻ em”, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 25 - 12 -2008.

Bản án sơ thẩm số 09/2011/HSST ngày 22/02/2011 về tội hiếp dâm trẻ em. Sau đây là nội dung vụ án:

Khoảng 08 giờ ngày 27 – 10 – 2010, Bùi Xuân Hải đến nhà bà Lê Thị Nên bên cạnh nhà Hải chơi. Khi đi Hải mang theo hộp bánh đậu xanh,

khi đến nhà bà Nên, thấy các cháu bà Nên là Hồ Nguyễn Nguyên Trang, Hồ Nguyễn Phi Long, Nguyễn Phước Thành đang chơi trong nhà. Hải chia bánh đậu xanh cho các cháu cùng ăn. Ngồi chơi một lúc, Hải nảy sinh ý định giao cầu với cháu Trang, nên cầm hộp bánh đi ra vườn rau nhà bà Nên, cháu Trang và cháu Thành đi theo Hải. Hải đuổi cháu Thành đi ra ngoài và dẫn cháu Trang vào vườn rau, Hải đưa hộp bánh cho cháu Trang, bế cháu Trang đặt nằm ngửa xuống đất, cởi quần cháu Trang và thực hiện hành vi giao cầu với cháu Trang. Cháu Trang kêu đau. Lúc này cháu Thành đi ra gọi cháu Trang vào nhà và nhìn thấy Hải đang giao cầu với cháu Trang. Sợ bị phát hiện, nên Hải không tiếp tục giao cầu với cháu Trang nữa, Hải đứng dậy mặc quần và đi về nhà. Cháu Trang và cháu Thành đã kể lại cho mẹ cháu Trang biết việc Hải giao cầu với cháu Trang. Gia đình cháu Trang đã tố cáo hành vi phạm tội của Hải.

Bản kết luận Pháp y tình dục số 1004 ngày 28 – 10 – 2010, của Trung tâm pháp y tỉnh ĐắkLắk đã kết luận: Cháu Hồ Nguyễn Nguyên Trang bị chấn thương bộ phận sinh dục ngoài.

Bản cáo trạng số 05 ngày 11 – 01 – 2011, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐắkLắk truy tố Bùi Xuân Hải về tội “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 4 Điều 112 BLHS.

Tại phiên tòa Bùi Xuân Hải khai nhận: Khoảng 08 giờ ngày 27 – 10 – 2010, bị cáo đến nhà bà Lê Thị Nên ở bên cạnh chơi, thấy các cháu của bà Nên là Hồ Nguyễn Nguyên Trang, Hồ Nguyễn Phi Long, Nguyễn Phước Thành đang chơi trong nhà, bị cáo nảy sinh ý định giao cầu với cháu Trang, nên đã cầm hộp bánh đậu xanh dụ cháu Trang đi ra vườn rau nhà bà Nên và thực hiện hành vi giao cầu với cháu Trang tại vườn rau.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố

đối với Bùi Xuân Hải và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 112 BLHS; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 69; khoản 2 Điều 74 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”.

Tòa án tuyên phạt bị cáo: Bùi Xuân Hải – phạm tội “Hiếp dâm trẻ em”.

Áp dụng khoản 4 Điều 112 BLHS; các điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 69; khoản 2 Điều 74 BLHS

Xử phạt: Bùi Xuân Hải 07 (Bảy) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 28 – 10 – 2010.

Một số tồn tại trong hoạt động xét xử án hình sự cũng như án về các tội tình dục là tình trạng không thống nhất về đường lối xét xử. Sự không thống nhất về đường lối xét xử là tình trạng diễn ra khá phổ biến hiện nay không chỉ ở các Tòa án quận huyện, thậm chí trong cùng một Thẩm phán khi xét xử các vụ án mà các bị cáo có nhân thân, tích chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như có các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS tương tự nhau nhưng mức hình phạt áp dụng lại khác nhau.

2.4.2. Các nguyên nhân cơ bản

** Nguyên nhân khách quan*

Thứ nhất là, hệ thống pháp luật hình sự của nước ta chưa hoàn thiện, thiếu đồng bộ, một số quy định còn chung chung, không phù hợp đã dẫn đến tình trạng một vấn đề có nhiều cách hiểu, áp dụng pháp luật không đúng, còn tùy tiện. Qua thực tiễn xét xử đối với các tội phạm tình dục đã bộc lộ những điểm chưa hợp lý trong các quy định của BLHS cần phải sửa đổi, bổ sung những vấn đề sau:

BLHS quy định về một số tội phạm tình dục còn chung chung, không mô tả cụ thể dấu hiệu hành vi phạm tội hoặc mô tả cấu thành tội phạm không rõ ràng như tội hiếp dâm (Điều 111):

Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc lợi dụng tình trạng không thể tự vệ được của nạn nhân hoặc thủ đoạn khác giao cấu với nạn nhân trái với ý muốn của họ; tội hiếp dâm trẻ em (Khoản 4 Điều 112): Mọi trường hợp giao cấu với trẻ em chưa đủ 13 tuổi là phạm tội hiếp dâm trẻ em và người phạm tội bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình; hay tại Điều 113 quy định: Người nào dùng mọi thủ đoạn khiến người lệ thuộc mình hoặc người đang ở trong tình trạng quẫn bách phải miễn cưỡng giao cấu... [3].

Trong cấu thành tội phạm của các điều từ Điều 111 đến Điều 116 đều có quy định tình tiết định khung tăng nặng: *Phạm tội nhiều lần; Đối với nhiều người*. Trong BLHS không có điều luật nào đưa ra định nghĩa phạm tội nhiều lần được hiểu như thế nào; cũng như vậy phạm tội đối với nhiều người hiểu như thế nào? Đối với từ hai người hay ba người trở lên? [3]; [13].

Thực tiễn xét xử và thực tiễn cuộc sống cho thấy chủ thể của tội phạm, nạn nhân của tội phạm tình dục không chỉ là phụ nữ mà còn có cả nam giới, có cả người đồng tính nam, người đồng tính nữ; hành vi phạm tội trong các tội hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với trẻ em không chỉ là hành vi giao cấu mà còn có những hành vi khác như thực hiện bằng con đường hậu môn, miệng... Thế nhưng trong cấu thành của các tội này lại chưa ghi nhận, chưa quy định những dấu hiệu đó. Ngoài ra, trong thực tế còn có những hành vi nguy hiểm cho xã hội đáng kể nhưng chưa được quy định trong BLHS là tội phạm như hành vi quấy rối tình dục, hành vi khiêu dâm.

Thứ hai là, văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật còn thiếu, chưa phù hợp với thực tiễn xét xử. Từ những phân tích nêu trên đã cho chúng ta thấy những hạn chế, bất cập trong các quy định của BLHS hiện hành, đòi hỏi phải có văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật để đảm bảo việc áp dụng pháp luật thống nhất, nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án.

Bên cạnh đó, số lượng án nói chung và án hình sự nói riêng mà TAND các cấp tỉnh Đăk Lăk thụ lý, giải quyết ngày càng tăng, áp lực công việc lớn, trong khi đó số lượng, chất lượng của cán bộ, Thẩm phán của một số Tòa án chưa đáp ứng được yêu cầu công việc. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, trụ sở làm việc còn thiếu, lạc hậu. Chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ Tòa án chưa thỏa đáng nên chưa thu hút được cán bộ có trình độ năng lực vào công tác trong ngành cũng như xây dựng được đội ngũ cán bộ thực sự yêu nghề và gắn bó với nghề nên xảy ra tình trạng sau khi vào nghề, có kinh nghiệm thực tế, một số cán bộ Tòa án xin chuyển công tác hoặc bỏ nghề ra làm công việc có thu nhập cao hơn, ít áp lực hơn.

** Nguyên nhân chủ quan*

Trong thời gian qua, mặc dù số lượng án tăng nhanh, tích chất ngày càng phức tạp nhưng tập thể cán bộ TAND các cấp tỉnh Đăk Lăk đã có nhiều cố gắng và đã giải quyết được số lượng lớn các vụ án, chất lượng xét xử được đảm bảo. Tuy nhiên vẫn còn trường hợp bản án, quyết định vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc áp dụng pháp luật có sai lầm nghiêm trọng do lỗi chủ quan của Tòa án và đã bị sửa, hủy. Nguyên nhân của những sai phạm trên chủ yếu xuất phát từ năng lực chuyên môn, kỹ năng xét xử cũng như trình độ chính trị và phẩm chất đạo đức của Thẩm phán nói riêng và Hội đồng xét xử nói chung.

- Về Thẩm phán: Nhận thức được tầm quan trọng, vai trò của Thẩm phán trong hoạt động xét xử nhất là giai đoạn Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành công cuộc cải cách tư pháp, trong những năm qua, TAND các cấp tỉnh Đăk Lăk thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ cũng như các lớp đào tạo lý luận chính trị nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán, đáp ứng yêu cầu công việc.

Tổng kết công tác xét xử thời gian qua cho thấy, bên cạnh những Thẩm

phán có năng lực chuyên môn nghiêm vụ, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, có tinh thần trách nhiệm, có ý thức tự giác học tập và có tâm với nghề, còn có một số Thẩm phán năng lực chuyên môn hạn chế, thiếu ý thức tự giác học tập, không thường xuyên nghiên cứu các văn bản pháp luật, thiếu tinh thần trách nhiệm trong công việc dẫn đến áp dụng pháp luật không đúng, không đầy đủ trong hoạt động xét xử.

Năng lực chuyên môn hạn chế khiến Thẩm phán không xác định được quan hệ pháp luật, nhận thức sai về nội dung của quy phạm pháp luật, không phân tích, đánh giá chứng cứ một khách khách quan, toàn diện và chính xác dẫn đến việc bỏ qua hoặc coi nhẹ những chứng cứ, tình tiết quan trọng trong vụ án khi khi nghiên cứu hồ sơ hay tại phiên tòa. Từ đó áp dụng không đúng, không đầy đủ các quy định pháp luật và ra phán quyết không chính xác như xác định tội danh không đúng; quyết định hình phạt không phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; sai lầm trong việc áp dụng pháp luật...

Bên cạnh đó, thiếu kinh nghiệm và kỹ năng xét xử cũng là nguyên nhân dẫn tình trạng áp dụng pháp luật không đúng. Bởi lẽ, khi giải quyết vụ án hình sự, Hội đồng xét xử không chỉ căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà còn thông qua quá trình thẩm vấn công khai, quá trình tranh tụng tại phiên tòa để làm rõ những tình tiết mới, những tình tiết còn mâu thuẫn và tìm ra sự thật khách quan. Vì vậy một Thẩm phán có kinh nghiệm và kỹ năng xét xử sẽ phát huy được vai trò của mình khi xét xử, chủ động điều hành phiên tòa, định hướng cho những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ tại phiên tòa, có khả năng khái thác thông tin, đặt câu hỏi chính xác, phát hiện được các mâu thuẫn trong lời khai của các bị cáo cũng như dự liệu được diễn biến phiên tòa và xử lý tốt mọi tình huống, làm sáng tỏ các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Mặt

khác, thái độ, cử chỉ, lời nói và tác phong làm việc, kỹ năng điều khiển phiên tòa, năng lực chuyên môn của Thẩm phán có ảnh hưởng rất trực tiếp đến những người tham gia tố tụng, đặc biệt là bị cáo và công dân. Hiệu quả của phiên tòa được khẳng định bằng một bản án “thấu tình, đạt lý”, nghiêm trang, có sức thuyết phục và đi vào lòng người, khiến nhân dân tin tưởng vào sự nghiêm minh, công bằng của pháp luật.

- *Về Hội thẩm nhân dân*: Tổng kết công tác xét xử cho thấy, Hội thẩm nhân dân tham gia xét xử nhưng chưa phát huy hết vai trò của mình, trách nhiệm hầu hết thuộc về Thẩm phán nên chất lượng hoạt động xét xử của hội thẩm còn hạn chế. Một số vụ án lớn, có tính chất phức tạp đòi hỏi Hội thẩm nhân dân phải có kiến thức pháp luật nhất định để xét xử, chia sẻ gánh nặng cho Thẩm phán nhưng phần lớn Hội thẩm nhân dân không đáp ứng được nên nguyên tắc “khi xét xử Hội thẩm nhân dân ngang quyền với Thẩm phán” mà chỉ mang tính hình thức. Nguyên nhân của tình trạng này là do Hội thẩm nhân dân hiện nay còn mang tính kiêm nhiệm nhiều, mặc dù có trình độ chuyên môn ở những lĩnh vực công tác (như giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, tài chính, hưu trí...) nhưng còn hạn chế rất nhiều về trình độ pháp lý nên không phát huy được vai trò của mình, công với việc không có thời gian nghiên cứu hồ sơ vụ án, thậm chí không có thời gian tham gia xét xử nên không đảm bảo được số lượng cũng như chất lượng xét xử. Mặt khác, Pháp lệnh về Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân quy định rất rõ trách nhiệm của Hội thẩm nhưng đa số các Hội thẩm không nhận thức đúng đắn, đầy đủ vai trò, vị trí của mình trong hoạt động xét xử nên còn coi nhẹ, qua loa khi xét xử, phó thác, ỷ lại cho Thẩm phán quyết định. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng xét xử của Tòa án.

Một nguyên nhân quan trọng khác, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng áp dụng pháp luật mà cụ thể là chất lượng xét xử, đó là phẩm chất chính trị,

đạo đức nghề nghiệp Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân. Với vai trò là người “cầm cân, nảy mực”, thì Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân ngoài năng lực chuyên môn, kinh nghiệm và kỹ năng xét xử, cần phải có bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức trong sáng, luôn “phụng công thủ pháp, chí công vô tư” trong giải quyết vụ án. Với bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức trong sáng giúp cho Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân có lập trường kiên định, có ý chí vượt qua khó khăn, thử thách, kiên quyết bảo vệ công lý, hết lòng phụng sự cho Tổ quốc, cho nhân dân trên cơ sở nhìn nhận vụ án một cách khách quan, không thiên diện, không định kiến, không bị chi phối bởi những tác động bên ngoài, độc lập khi xét xử cũng như không bị cám dỗ bởi lợi ích vật chất để xét xử và quyết định hình phạt chính xác, có tính thuyết phục cao. Mặt khác, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân cũng cần phải có tinh thần trách nhiệm trong công việc để luôn thận trọng, tỷ mỉ, tự giác thực hiện chức trách nhiệm vụ của mình và sẵn sàng chịu trách nhiệm về mọi quyết định cũng như hành vi của bản thân. Sự thiếu trách nhiệm trong công việc sẽ dẫn đến cầu thả, tùy tiện, dễ dãi, là nguyên nhân của những oan, sai trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Tuy nhiên, một thực trạng đáng báo động hiện nay là sự tha hóa về đạo đức của một bộ phận Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thiếu tinh thần trách nhiệm, không khách quan, vô tư, còn nể nang, vụ lợi trong quá trình giải quyết vụ án dẫn đến việc không tuân thủ đầy đủ, tùy tiện khi áp dụng các quy định của pháp luật hiện hành, làm ảnh hưởng đến chất lượng giải quyết án của Tòa án.

Ngoài những vấn đề trên thì vấn đề đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho Thẩm phán, Hội thẩm còn hạn chế, mang tính hình thức nên hiệu quả chưa cao. Đối với các Tòa án cấp huyện, các Thẩm phán phải giải quyết các loại án, mà không có Thẩm phán chuyên xét xử án hình sự nên việc đầu tư nghiên cứu tài liệu chuyên sâu để phục vụ hoạt động xét xử án hình sự phần nào bị hạn chế.

Công tác kiểm tra, giám đốc án, tổng kết rút kinh nghiệm xét xử cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng áp dụng pháp luật nhưng chưa được quan tâm đúng mức nên hiệu quả hoạt động chưa cao. Ủy ban Thẩm phán hoạt động chưa thường xuyên, chưa phát huy hết vai trò của mình trong việc tổng kết, rút kinh nghiệm xét xử nên chưa đảm bảo việc áp dụng pháp luật thống nhất và khắc phục kịp thời những thiếu sót của các Tòa án cấp huyện.

Chương 3

NHU CẦU VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ CÁC TỘI PHẠM TÌNH DỤC VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG

3.1. Nhu cầu tiếp tục hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội phạm về tình dục và nâng cao hiệu quả áp dụng

BLHS năm 1999 được Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ VI thông qua ngày 21 tháng 12 năm 1999, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2000 và được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Từ khi ra đời đến nay, BLHS là công cụ sắc bén của Nhà nước trong việc quản lý xã hội, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, góp phần quan trọng trong việc giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích nhà nước, của các tổ chức và của công dân, góp phần có hiệu quả trong sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ vững chắc tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, sau gần 15 năm thi hành, những hạn chế, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành BLHS cùng với những thay đổi to lớn trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp mà trọng tâm là tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật; về tiếp tục xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; về xây dựng Nhà nước pháp quyền, bảo đảm, bảo vệ các quyền con người, quyền tự do cơ bản của công dân; về chủ trương chủ động hội nhập quốc tế của Việt Nam là những tiền đề quan trọng đặt nền tảng cho việc phải tiếp tục nghiên cứu sửa đổi BLHS hiện hành, trong đó có các quy định về tội phạm tình dục nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong hoàn cảnh mới. Về các tội phạm XHTD trong LHS Việt Nam, sự cần thiết phải hoàn thiện các quy định của pháp LHS về tội phạm này được thể hiện cụ thể như sau [3, tr.23].

1. Tình hình tội phạm về tình dục tiếp tục có những diễn biến phức tạp

và những bất cập của BLHS hiện hành là cơ sở thực tiễn quan trọng của việc sửa đổi toàn diện của BLHS. Tình hình tội phạm về tình dục có xu hướng gia tăng về số lượng và để lại hậu quả hết sức nặng nề. Nhiều vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng như: Hiếp dâm tập thể, hiếp dâm trẻ em, cha dượng hiếp dâm con, thầy giáo xâm hại tình dục học trò nhiều lần, thậm chí cha đẻ hiếp dâm con gái...

2. Trong pháp luật Việt Nam nói chung và trong LHS nói riêng, mặc dù có những quy định khác nhau về độ tuổi chịu TNHS, nhưng nhìn chung đều thừa nhận trẻ em là những người dưới 16 tuổi, BLHS hiện hành của Việt nam quy định các hành vi xâm hại trẻ em như: Hiếp dâm trẻ em, cưỡng dâm trẻ em, giao cấu với trẻ em, dâm ô với trẻ em...trong đó, có trường hợp hành vi nguy hiểm xâm phạm đến trẻ em được coi là tình tiết định tội, có trường hợp hành vi nguy hiểm xâm phạm đến người chưa thành niên được coi là tình tiết định khung tăng nặng hình phạt. Ngoài ra, hành vi xâm hại đến trẻ em còn được coi là tình tiết tăng nặng TNHS nói chung, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 48 (tình tiết “phạm tội đối với trẻ em”). Như vậy có thể nói BLHS đã đưa ra nhiều quy định về tội phạm và hình phạt nghiêm khắc đối với những hành vi xâm hại đến trẻ em, bảo vệ trẻ em khỏi bị bạo lực, xâm hại tình dục...

Tuy nhiên, thực tế tiến hành tố tụng vẫn còn một số vướng mắc cần được tháo gỡ như việc xác định tội danh, khung hình phạt đối với các trường hợp người phạm tội nhầm khách thể như không quen biết nạn nhân và nhìn thấy bề ngoài cơ thể nạn nhân phát triển hoàn chỉnh (ý thức chủ quan của người có hành vi xâm hại tưởng và cho rằng đối tượng bị xâm hại không phải là trẻ em) và việc xác định chính xác tuổi của bị hại là người chưa thành niên khi bị hại không có bất cứ một giấy tờ gì chứng minh tuổi hoặc tuy có nhưng không đáng tin cậy.

3. BLHS năm 1999, mặc dù là kết quả của việc sửa đổi cơ bản, toàn

diện BLHS năm 1985, nhưng nhiều tội phạm mới phát sinh trong bối cảnh hiện nay chưa được kịp thời bổ sung hoặc đã được bổ sung nhưng chưa đầy đủ, toàn diện như hành vi xâm hại tình dục qua đường du lịch, hành vi cưỡng bức mại dâm, lạm dụng tình dục, quấy rối tình dục,... Những hạn chế này đã ảnh hưởng không nhỏ đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của nạn nhân và sự phát triển bình thường của trẻ em bị xâm hại tình dục cũng như có hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Điều này đòi hỏi cần phải đổi mới tư duy trong việc hoàn thiện các quy định của BLHS phải thể hiện đúng vai trò của mình; tạo hành lang pháp lý an toàn, đầy đủ để bảo vệ tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm.

4. Sự phát triển, bổ sung và đề cao quyền con người, quyền cơ bản của công dân trong Hiến pháp 2013 [24]; [21] đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện các quy định của BLHS hiện hành để làm cho các quyền này của người dân được thực hiện trên thực tế. BLHS phải xử lý nghiêm các hành vi xâm hại các quyền con người, quyền cơ bản của công dân nêu trên. Đồng thời cũng cần nghiên cứu, đề xuất sửa đổi hệ thống hình phạt theo hướng tăng cường các hình phạt có tính giáo dục nhằm vừa bảo đảm tính răn đe nhưng cũng vẫn bảo đảm tạo điều kiện để người phạm tội có điều kiện sớm tái hòa nhập xã hội [3].

5. Cùng với quá trình hội nhập quốc tế, nước ta cũng đang phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức trong đó có vấn đề tội phạm có tính chất quốc tế. Sự gia tăng của các loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, các tội phạm do người nước ngoài thực hiện trong những năm qua đã và đang đặt ra những thách thức rất lớn cho các cơ quan chức năng của Việt nam. Tại Việt nam, việc hại tình dục thông qua con đường du lịch đã xuất hiện gắn với lượng khách du lịch nước ngoài vào Việt Nam ngày càng gia tăng trong đó BLHS hiện hành chưa được điều chỉnh hành vi này.

Từ sự phân tích trên có thể thấy, việc nghiên cứu sửa đổi, hoàn thiện quy định của BLHS năm 1999 về các tội phạm tình dục là hết sức cần thiết.

3.2. Hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội phạm tình dục

Thứ nhất, trong BLHS sửa đổi, bổ sung lần này cần xem xét quy định tội phạm mới (tội phạm hóa) về hại tình dục.

BLHS hiện hành chưa cập nhật được đầy đủ, kịp thời các hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, nguy hiểm cao cho xã hội để có biện pháp xử lý hình sự thích đáng, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm [3].

Hiện nay có một hành vi xâm hại về tình dục mà pháp luật Việt Nam chưa hình sự hóa hành vi này, hành vi này khá phổ biến hiện nay và gây ra những dư luận bức xúc trong xã hội mấy năm gần đây. Đây là hành vi “quấy rối tình dục”, hành vi này đã được LHS một số nước tiến bộ trên thế giới ghi nhận mà chúng ta có thể tìm thấy trong pháp luật của Mỹ hay của Nhật Bản. Ở một số nước khác còn quy định cả hành vi “khiêu dâm” vào BLHS của nước mình cho thấy một điều hành vi phạm tội này không còn xa lạ với pháp luật một số nước trên thế giới. Hành vi này mặc dù chưa gây hậu quả là giao cấu được với người bị hại song về mặt tinh thần gây cho người bị hại sự hoảng loạn, sự khủng bố về tinh thần rất nghiêm trọng, người bị hại luôn có cảm giác bị người khác đe dọa xâm hại về tình dục. Ngoài ra, nó còn gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với người bị hại là đối tượng trẻ vị thành niên, nó có thể dẫn các em đến những hành động không đúng sau này.

Hành động đó có thể hiện bằng các hành vi cụ thể như bằng lời nói hoặc bằng hành động rất cụ thể, đôi khi có thể bằng hành vi gián tiếp như cho nạn nhân nghe băng, nghe điện thoại, gửi thư có nội dung, hình ảnh mang tính chất đồi trụy. Hiện nay hành vi này khá phổ biến và xảy ra ở nhiều lĩnh vực mà phổ biến ở trong các công ty, công sở mà nhất là các công ty, các nhà máy của người nước ngoài đầu tư ở Việt Nam... Hành vi này xúc phạm nghiêm trọng đến đời sống và riêng tư của mỗi người. Mà thực tế hiện nay, nếu có

hành vi này xảy ra chủ yếu được điều chỉnh bằng Bộ Luật dân sự chỉ mang tính chất bồi thường thiệt hại vật chất về mặt tinh thần cho người bị quấy rối, theo chúng tôi nếu căn cứ vào tính nghiêm trọng của hành vi và mức độ hậu quả của nó gây ra cho xã hội thì cần phải có một biện pháp cưỡng chế hình sự đích đáng để có thể trừng trị thật nghiêm những kẻ có hành vi phạm tội này. Vì vậy, chúng tôi đồng tình đề nghị cần phải quy định tội khiêu dâm trong BLHS sửa đổi.

Thứ hai, mở rộng phạm vi xử lý hình sự với một số tội phạm về tình dục trong BLHS (tội phạm hóa một phần).

- Một vấn đề nữa mà LHS Việt Nam cũng còn tồn tại, đó là chủ thể của các tội phạm tình dục hiện nay cần phải bổ sung thêm mà khá phổ biến hiện nay giữa những người đồng giới, nó không còn xa lạ gì với Việt Nam ta nhưng do chúng ta có một quan niệm là giữ gìn những nét truyền thống quý báu của dân tộc ta từ ngàn đời nay cho nên chưa thừa nhận quan hệ này. Thực tiễn xét xử trong mấy năm gần đây và cùng với sự phát triển của xã hội buộc chúng ta phải có cách nhìn khác để thừa nhận một thực tế về nó. Trong BLHS Việt Nam 1999 có quy định 6 tội danh về tình dục mà theo tinh thần áp dụng trong xét xử cũng như trong thực tiễn xét xử của các Tòa án đều coi chủ thể tội phạm là đặc biệt nghĩa là giữa nạn nhân và người bị hại phải là khác giới. Nhưng thực tế hiện nay nhiều trường hợp nạn nhân và người xâm phạm về tình dục là người cùng giới. Ở các nước trên thế giới hiện nay đều có các quy định trong BLHS của mình những quy phạm nhằm bảo vệ những người bị hại, quy định người phạm tội và người bị hại có thể là người cùng giới. Vì thế, theo chúng tôi ở Việt Nam cũng cần phải quy định các trường hợp này là chủ thể tội phạm.

- Bên cạnh đó, trong các tội hiếp dâm, cưỡng dâm, giao cấu với trẻ em, thực tế cho thấy chủ thể không chỉ có hành vi giao cấu mà còn có những hành

vi khác nguy hiểm, trái ý muốn của người bị hại như quan hệ ở hậu môn, miệng...vì vậy, trong cấu thành của tội hiếp dâm (Điều 111), tội hiếp dâm trẻ em (Điều 112), tội cưỡng dâm (Điều 113), tội cưỡng dâm trẻ em (Điều 114), tội giao cấu với trẻ em (Điều 115) cần quy định bổ sung dấu hiệu "hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác" không phải là hành vi giao cấu [13].

- Bên cạnh đó, theo chúng tôi cần xem xét lại độ tuổi trong tội ‘hiếp dâm trẻ em’ và “tội cưỡng dâm trẻ em” [3]; [35]. Vì thực tế xem xét ở LHS một số nước có những quy định khác nước ta về chênh lệch độ tuổi. Trong BLHS Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và một số nước phát triển ở châu Âu như Thụy Điển trong BLHS của hai quốc gia này có quy định chỉ cần người phạm tội giao cấu với người đủ 15 tuổi đã cấu thành “tội hiếp dâm” (Điều 236 BLHS Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa); hay của Thụy Điển là dưới 14 tuổi. Mấy năm gần đây Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm, đưa ra những ưu tiên hàng đầu cho việc chăm sóc, bảo vệ thể hệ trẻ tương lai của Tổ quốc, đã tạo điều kiện thuận lợi cho các em có một môi trường bền vững để phát triển. Thế nhưng, tình trạng tội phạm tình dục trẻ em mấy năm gần đây có chiều hướng gia tăng rất đáng quan tâm, để làm thế nào vừa phòng chống, vừa phải đưa ra biện pháp cưỡng chế thật nghiêm khắc đối với những kẻ có hành vi phạm tội. Cho nên chúng tôi đề nghị cơ quan lập pháp trong thời gian tới có thể xem xét để điều chỉnh lại độ tuổi người bị hại trong các tội ở Điều 112, Điều 114; Điều 115 BLHS năm 1999 cho thật hợp lý để có một biện pháp răn đe cần thiết nhằm bảo vệ được thể hệ trẻ Việt Nam và cũng để trừng trị đích đáng kẻ phạm tội để làm sao chúng ta thực hiện đúng với tinh thần mà chúng ta đã cam kết khi gia nhập công ước về bảo vệ quyền trẻ em 1992.

- Một vấn đề nữa mà chúng ta cần xem xét lại trong thực tế chúng ta đã bắt gặp đó là hành vi “dâm ô” nhưng đối tượng bị hại không phải là trẻ em mà là người đã trên 16 tuổi. Chúng tôi nói ở đây là trường hợp người phụ nữ bị

cưỡng bức hoặc bị ép buộc như chúng xé quần, lột áo, có những hành vi dâm ô như hành vi khách quan ở tội dâm ô với trẻ em, nhưng khi hành vi này bị phát hiện, nếu có thì chỉ bị xử lý bằng tội “làm nhục người khác” hoặc bôi thường dân sự, nhưng thực tế hành vi này đã xâm hại về tình dục và hơn thế nữa nó xúc phạm nghiêm trọng đến danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ. Nó có thể dẫn đến những hậu quả hết sức nghiêm trọng như: gây hoang mang, sợ hãi, làm cho họ xấu hổ dẫn đến bỏ nhà; hoặc nghiêm trọng hơn nữa nó có thể dẫn đến việc người đó tự sát. Vì thế, theo chúng tôi cần phải sửa đổi, bổ sung cấu thành tội dâm ô (Điều 116) để quy định về hành vi xâm hại về tình dục đối với trường hợp này để có thể trừng trị những người có hành vi này một cách đích đáng.

Thứ ba, cần quy định rõ một số tình tiết tăng nặng định khung phạm tội nhiều lần, phạm tội đối với nhiều người ở các tội phạm tình dục. Phạm tội nhiều lần là từ 2 lần hay từ 3 lần trở lên; phạm tội đối với nhiều người cũng như vậy, đối với hai hay ba người trở lên [3]; [13].

Thứ tư, bảo vệ các quyền con người là mục tiêu hàng đầu được ghi nhận trong Hiến pháp 2013 [24]. Do đó, chủ trương thu hẹp phạm vi áp dụng hình phạt tử hình là yêu cầu cấp thiết của việc hoàn thiện PLHS gắn với việc bảo đảm các quyền con người, nhân đạo hoá các biện pháp trừng trị, phù hợp yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm, phù hợp với tinh thần các Công ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên, đồng thời phù hợp với xu hướng chung của thế giới. Mặt khác tử hình là hình phạt đặc biệt nghiêm khắc vì nó tước đi quyền sống của con người, tước đi cơ hội phục thiện, tái hoà nhập cộng đồng của người bị kết án cũng như loại trừ khả năng oan sai có thể xảy ra trên thực tế. Vì vậy, trong lần sửa đổi bổ sung BLHS lần này đề nghị xóa bỏ hình phạt tử hình với tội hiếp dâm trẻ em.

3.3. Những giải pháp khác nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các tội phạm tình dục

3.3.1. Tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn các quy định của PLHS liên quan đến các tội phạm tình dục

Đây là một trong những giải pháp hết sức quan trọng vì thực tiễn trong thời gian vừa qua việc xây dựng các văn bản luật của chúng ta trên tinh thần “luật khung”. Do đó, việc các cơ quan chức năng ban hành văn bản hướng dẫn thi hành là hết sức cần thiết và cấp bách để luật sớm đi vào cuộc sống.

Theo chúng tôi, hiện nay LHS Việt Nam vẫn còn thiếu đó là các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, nhất là của TANDTC về việc áp dụng thống nhất các quy định của BLHS năm 1999 quy định về các tội phạm tình dục, ví dụ như trong tội hiếp dâm quy định ‘dùng các thủ đoạn khác nhằm giao cấu với nạn nhân’ Điều 111 BLHS, hiểu thế nào là các thủ đoạn khác nếu không căn cứ vào tổng kết thực tiễn xét và các văn bản hướng dẫn của TANDTC rất dễ dẫn đến những cách hiểu khác nhau, dẫn đến việc áp dụng pháp luật vào trong xét xử một cách tùy tiện của các Tòa án cấp dưới hoặc trong Điều 116 BLHS về tội dâm ô với trẻ em quy định tình tiết tăng nặng khung là “gây hậu quả rất nghiêm trọng; hậu quả đặc biệt nghiêm trọng nhưng không có hướng dẫn cụ thể cho nên rất khó cho việc áp dụng nó trong xét xử... Vì thế, chúng tôi đề nghị trong thời gian tới các cơ quan có thẩm quyền nên ban hành các văn bản hướng dẫn cụ thể việc áp dụng các quy định về nhóm tội này.

3.3.2. Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân trong xét xử các vụ án phạm tội tình dục

Hoạt động xét xử của Tòa án là nơi thể hiện rõ nét nhất chất lượng hoạt động và uy tín của hệ thống các cơ quan tư pháp, nơi thể hiện rõ nhất bản chất

nhân dân, tính công bằng, công lý và dân chủ trong hoạt động tư pháp, trong đó Thẩm phán có vai trò trung tâm, là thành phần chính tạo nên chất lượng, hiệu quả của hoạt động xét xử. Hiệu lực và hiệu quả của hoạt động xét xử, thực hiện quyền tư pháp của TAND được bảo đảm bằng nhiều yếu tố khác nhau, nhưng yếu tố quan trọng nhất là con người, trong đó Thẩm phán là nhân tố hạt nhân quan trọng, đối tượng quan trọng trong đổi mới, cải cách Tòa án, bởi vì chức năng xét xử, thực hiện quyền tư pháp được thực hiện bằng cá nhân các Thẩm phán độc lập hoặc cùng với Hội thẩm (trong giai đoạn xét xử sơ thẩm), đồng thời Thẩm phán còn là người có vai trò quyết định trong hoạt động xét xử, nhân danh công lý, thay mặt Nhà nước đưa ra những phát quyết khi có hiệu lực pháp luật bắt buộc các cơ quan, tổ chức, công dân phải chấp hành. Không những thế, vị trí của thẩm phán còn thể hiện ở việc Thẩm phán là người đảm bảo sự công bằng thông qua hoạt động xét xử và do vậy bảo vệ công bằng trong hoạt động xét xử là yêu cầu không thể thiếu trong hoạt động nghề nghiệp của người Thẩm phán. Công bằng trong xét xử là công bằng đối với tất cả mọi người bất kể người đó là ai, giữ cương vị gì, chức vụ gì đều phải xử lý nghiêm minh theo đúng tội trạng và hậu quả của hành vi phạm tội. Công bằng ở đây là không được thiên lệch, không được nhân nhượng về bên nào, tất cả các đương sự, bị cáo không phân biệt thành phần xuất thân, địa vị xã hội, thành phần kinh tế đều phải được bình đẳng như nhau trước pháp luật, các hành vi, quyền và lợi ích hợp pháp của họ được Thẩm phán nhìn nhận đánh giá một cách khách quan, toàn diện và công minh.

Chất lượng và hiệu quả hoạt động xét xử không chỉ phụ thuộc vào sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc của các thẩm phán mà còn phụ thuộc vào năng lực, trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ Thẩm phán. Có thể khẳng định rằng: Trình độ đào tạo, điều kiện về bằng cấp; trình độ chuyên môn

nghiệp vụ; trình độ lý luận chính trị; phẩm chất đạo đức; văn hóa ứng xử là 5 tiêu chí cơ bản, quan trọng khi đánh giá năng lực của Thẩm phán. Nếu thiếu một trong các yếu tố này thì Thẩm phán không thể đảm bảo là có năng lực. Mức độ năng lực của Thẩm phán tới đâu phụ thuộc vào các yếu tố tạo nên năng lực đó như thế nào.

Nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ của Thẩm phán Tòa án các cấp là nhiệm vụ hết sức cấp bách hiện nay. Vì thế, ngoài việc hoàn thiện các quy định pháp luật về tiêu chuẩn, chế độ tuyển chọn, bổ nhiệm Thẩm phán, cần phải tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho Thẩm phán. Ngoài việc cử Thẩm phán đi đào tạo, bồi dưỡng theo định kỳ, cần tạo điều kiện thuận lợi và động viên, khuyến khích Thẩm phán tự học tập nâng cao năng lực, trình độ của mình. Mỗi Thẩm phán phải thường xuyên cập nhật kiến thức pháp luật và các kỹ năng nghề nghiệp khác phục vụ cho việc xét xử vụ án.

Tòa án phải thường xuyên kiểm tra việc thực hiện trách nhiệm công vụ đối với Thẩm phán, cán bộ, công chức, trong đó trọng tâm là kiểm tra đối với Thẩm phán trong công tác xét xử. Thông qua công tác kiểm tra kịp thời uốn nắn các biểu hiện hoặc khuynh hướng lệch lạc như tuyệt đối hóa nguyên tắc độc lập xét xử hoặc biểu hiện pháp lý đơn thuần; kịp thời xác minh để kết luận và xử lý nghiêm những Thẩm phán, cán bộ, công chức có sai phạm; kiên quyết chuyển cơ quan có thẩm quyền để xem xét TNHS đối với những trường hợp có dấu hiệu phạm tội. Công tác kiểm tra phải tiến hành đúng phương hướng, phương châm, thủ tục và nguyên tắc, kiên quyết đưa ra khỏi ngành những Thẩm phán, cán bộ, công chức có biểu hiện tham nhũng, vi phạm phẩm chất đạo đức, lối sống. Phải có chế tài xử lý nghiêm minh đối với trường hợp người tiến hành tố tụng vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đối với Thẩm phán, thực hiện nghiêm túc quy định về không tái bổ

nhiệm khi tỷ lệ bản án bị hủy hoặc bị cải sửa (do lỗi của Thẩm phán) quá quy định của ngành.

Việc nâng cao hiệu quả áp dụng các quy định của BLHS Việt nam năm 1999 về các tội phạm về tình dục, ngoài những yếu tố quy định của pháp luật, công tác cán bộ cũng là điều đáng phải quan tâm. Một điều luật muốn được áp dụng đúng đắn vào thực tiễn, không bị lạm dụng thì cán bộ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán và hội thẩm nhân dân cần phải có trình độ, kiến thức chuyên môn và phải có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần vững vàng trước những cám dỗ của vật chất, có tinh thần pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Tác giả luận văn xin có một số giải pháp để nâng cao năng lực, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiến thức pháp luật và đạo đức nghề nghiệp cho những người tiến hành tố tụng như sau:

- Chiêu sinh cán bộ tư pháp các cấp đạt tiêu chuẩn tham gia khóa đào tạo nghiệp vụ, thực hiện việc chọn cử cán bộ đủ tiêu chuẩn đi đào tạo ở nước ngoài theo Đề án của Chính phủ về việc “Đào tạo luật sư, chuyên gia pháp luật”.

- Tiến hành tập huấn các kiến thức liên quan tới công tác tư pháp hình sự nhiều lần cho cán bộ tư pháp ở địa phương.

- Đội ngũ cán bộ tư pháp phải không ngừng được tăng cường về trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như trình độ lý luận chính trị, đều phải có trình độ cử nhân luật, được đào tạo về nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức và khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ, từng bước nâng cao trình độ, kinh nghiệm và bản lĩnh nghề nghiệp cho cán bộ tư pháp đáp ứng yêu cầu công tác tư pháp.

- Quan tâm cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, bổ sung kinh phí hoạt động cho các cơ quan tư pháp.

- Phải có chế độ chính sách đãi ngộ hợp lý cho cán bộ tư pháp để họ

không phải bị gánh nặng cơm áo, gạo tiền làm ảnh hưởng đến sự công minh trong hoạt động nghề nghiệp của mình. Đồng thời cũng phải quy định rõ về trách nhiệm kỷ luật khi cán bộ tư pháp vi phạm nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, tạo dư luận về hình ảnh những cán bộ tư pháp công minh, tài giỏi. Chỉ có như vậy mới thu hút được nguồn cán bộ tư pháp có kiến thức pháp lý sâu sắc và có tâm huyết với sự nghiệp bảo vệ công lý.

3.3.3. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với tội phạm tình dục

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác thông tin, tuyên truyền Chiến lược Quốc gia về phòng chống tội phạm về tình dục giai đoạn 2011 – 2015 và nội dung các văn bản pháp luật như: LHS, nhằm nâng cao nhận thức của các tầng lớp nhân dân về bạo lực tình dục và phòng, chống bạo lực tình dục. Việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật này phải có kế hoạch chương trình ngắn hạn, dài hạn cụ thể, trong đó chú trọng đến việc lồng ghép nội dung truyền thông phòng, chống xâm hại tình dục vào trong sinh hoạt của thôn, buôn, ấp, tổ dân phố; trong sinh hoạt ngoại khóa của các cấp học và sinh hoạt chuyên đề của các tổ chức, đoàn thể các cấp.

Ngoài ra vấn đề truyền thông đối với các gia đình, xã hội trong việc bảo vệ phụ nữ cũng cần được xem trọng. Hệ thống truyền thông cần phổ biến sâu rộng hơn nữa về quyền của trẻ em để mọi người nhận thức được tầm quan trọng và sự cấp thiết trong vấn đề bảo vệ trẻ em trước những cái xấu, độc hại. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc thực hiện phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn minh trong cộng đồng dân cư.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống bảo vệ phụ nữ, trẻ em bằng các biện pháp tuyên truyền, giáo dục ý thức cảnh giác, phát hiện, tự phòng ngừa các hoạt động xâm hại tình dục và hỗ trợ tư vấn pháp lý khi cần thiết là một biện pháp cần làm. Khi bị xâm hại tình dục, nạn nhân và gia đình phải trình báo

ngay cho cơ quan Công an để được hỗ trợ tư vấn, giải quyết tránh để lọt tội phạm. Quan trọng nhất, gia đình cùng nhà trường cần giáo dục ý thức cảnh giác, phát hiện sớm, tự phòng ngừa các hoạt động xâm hại tình dục và hỗ trợ tư vấn pháp lý khi cần thiết là một biện pháp cần làm; phổ biến những kiến thức về giới tính một cách khéo léo, lành mạnh; góp phần phòng chống việc lạm dụng tình dục trong cuộc sống.

- Nâng cao năng lực và trách nhiệm cho tổ chức, cá nhân người tham gia phòng, chống bạo lực tình dục các cấp. Theo đó, cần kiện toàn lại đội ngũ các cán bộ, cộng tác viên làm công tác tuyên truyền thống về dân số, gia đình và trẻ em tại cơ sở. Quy định cụ thể và nâng cao trách nhiệm của các ban, ngành, đoàn thể đặc biệt cần quy định trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc và Miền núi có trách nhiệm phối hợp với Bộ tư pháp, các ban ngành liên quan trong việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hình sự, hôn nhân gia đình, pháp luật về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em và pháp luật về phòng chống xâm hại tình dục cho đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu và vùng xa.

- Để tránh những sự việc đau lòng do tội phạm tình dục gây nên, gia đình cần quản lý con cái chặt chẽ hơn, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm của người mẹ. Trong gia đình, người mẹ vừa là mẹ vừa là bạn với con gái, việc quan tâm, gần gũi, quản lý chặt chẽ của mẹ sẽ giúp tạo ra hàng rào bảo vệ con gái từ các cám bẫy của tội phạm tình dục.

- Bên cạnh việc xét xử nghiêm minh, đúng pháp luật các tội phạm tình dục, các Tòa án cần đẩy mạnh công tác tổ chức các phiên tòa xét xử lưu động đối với các vụ liên quan đến XHTD để thông qua đó phổ biến pháp luật nói chung và PLHS và pháp luật về chăm sóc, giáo dục, bảo vệ người dân.

KẾT LUẬN

Các tội phạm tình dục được quy định trong BLHS Việt nam 1999 là các tội có tính chất nguy hiểm cho xã hội cao không những xâm hại nghiêm trọng đến danh dự nhân phẩm của con người mà nó còn gây ra những dư luận xã hội không tốt, nó biểu hiện ở sự suy đồi đạo đức một cách nghiêm trọng của một số người trong giai đoạn hiện nay. Không những thế mà còn làm mất đi những giá trị truyền thống quý báu của dân tộc đã được gìn giữ, phát huy bao đời nay và nhất là hiện nay đối tượng dễ bị xâm hại nhất về tình dục chính là lứa tuổi thanh thiếu niên thế hệ tương lai, kế cận của cả nước rất cần được cả xã hội có sự quan tâm, chăm sóc đặc biệt. Vì thế, trong giai đoạn hiện nay công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm cần phải được quan tâm hoàn thiện, nâng cao hơn nữa.

Luận văn được khai thác từ những vấn đề lý luận chung nhất về các tội phạm tình dục như cấu thành tội phạm, đặc điểm... đến những vấn đề lý luận chung nhất về đấu tranh, phòng chống tội phạm tình dục. Trên những vấn đề lý luận chung nhất đó và số liệu về tình hình kinh tế - xã hội, tình hình tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk 5 năm qua. Từ đó, tác giả so sánh, đánh giá để rút ra những kết luận có tính chất quan trọng về nguyên nhân, điều kiện phạm các tội phạm tình dục để có thể giúp cho các cơ quan có chức năng trong công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm tham khảo để có thể áp dụng vào công tác phòng ngừa các tội phạm tình dục trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, tác giả cũng đưa ra những nhận định, dự báo riêng mình về tình hình các tội phạm tình dục có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 trên cơ sở sự chuyển biến của tình hình kinh tế - văn hóa – xã hội đồng thời cũng đề ra những giải pháp rất cụ thể nhằm nâng cao cho công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm tình dục như đưa ra những giải pháp đóng góp

về mặt pháp luật, đưa ra các giải pháp đóng góp việc hoàn thiện các lĩnh vực đời sống xã hội. Song trong khả năng của một cán bộ cấp huyện vẫn còn hạn chế nhất là các thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, tình trạng tội phạm trên địa bàn tỉnh nên không tránh khỏi những nhận định, những đóng góp còn thiếu tính khoa học, khả quan còn chưa cao. Tác giả rất mong các thầy, cô trong Hội đồng bảo vệ luận văn, thầy phản biện và nhất là thầy hướng dẫn để có thể giúp đỡ để tác giả hoàn thiện hơn giúp đỡ phần nào cho công tác đấu tranh, phòng chống các tội phạm tình dục trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk trong thời gian tới.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Ngọc Anh (2012), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”*, Hà Nội.
3. Bộ Tư Pháp (2014), *Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành BLHS*, Hà Nội.
4. Lê Văn Cẩm - Trịnh Quốc Toàn (2005), *Định tội danh: Lý luận, hướng dẫn mẫu và 350 bài thực hành*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Lê Văn Cẩm (2000), *Một số vấn đề lý luận chung về định tội danh*, Chương XXXI - Giáo trình LHS Việt Nam, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Lê Cẩm (2000), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về định tội danh*, Các nghiên cứu chuyên khảo về phần chung LHS, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
7. Lê Văn Cẩm (2001), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình (Tập III)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
8. Lê Văn Cẩm (2002), *Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình (Tập VI)*, NXB Công an nhân dân, Hà Nội.
9. Lê Văn Cẩm (2003), *Một số vấn đề lý luận chung về định tội danh*, Chương 1, Giáo trình LHS Việt Nam (Phần các tội phạm), Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
10. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
11. Nguyễn Ngọc Chí chủ biên (2014), *Giáo trình Luật tố tụng hình sự Việt nam*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
12. Chính phủ (1997), *Nghị quyết số 09/1998/ NQ-CP ngày 31/7/1998 về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới*, Hà Nội.

13. Chính phủ (2015), *Tờ trình về Dự án Bộ luật hình sự (sửa đổi) ngày 27 tháng 4 năm 2015*, Hà Nội.
14. Đinh Bích Hà (2007), *Bộ luật hình sự của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Bản dịch)*, Nxb Tư pháp.
15. Hội đồng Thẩm phán TANDTC (1998), *Nghị quyết số 01/1998/NQ-HĐTP ngày 21/9/1998 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ tư*, Hà Nội.
16. Hội đồng Thẩm phán TANDTC (2006), *Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5 hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS*.
17. Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội (2012), *Các tội phạm về tình dục, so sánh với một số nước trên thế giới*, Luận văn thạc sĩ luật học.
18. Liên Hợp quốc (2000), *Công ước về quyền trẻ em*.
19. Đinh Văn Quế (2001), *Bình luận khoa học BLHS năm 1999*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
20. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (1999), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
21. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2004), *Luật bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em Việt Nam*, Hà Nội.
22. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2005), *Bộ luật dân sự*, Hà Nội.
23. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2011), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
24. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2013), *Hiến pháp*, Hà Nội.
25. Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam (2015), *Bộ luật lao động*, Hà Nội.
26. TAND tỉnh Đắk Lắk (2013), *Báo cáo tổng kết 05 năm từ năm 2009 – 2013 về công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn mại dâm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk*.
27. TAND tỉnh Đắk Lắk (2013), *Báo cáo tổng kết công tác 5 năm phòng chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2009 – 2013*, Đắk Lắk.

28. TAND tỉnh Đắk Lắk và TANDTC (2010), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2009 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2010*, Đắk Lắk.
29. TAND tỉnh Đắk Lắk và TANDTC (2011), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2010 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2011*, Đắk Lắk.
30. TAND tỉnh Đắk Lắk và TANDTC (2012), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2011 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2012*, Đắk Lắk.
31. TAND tỉnh Đắk Lắk và TANDTC (2013), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2012 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2013*, Đắk Lắk.
32. Trường Đại học Luật Hà Nội (2011), *Bộ luật hình sự Liên bang Nga (bản dịch)*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
33. Trịnh Tiến Việt (2012), *Hoàn thiện các quy định của Phần chung BLHS trước yêu cầu mới của đất nước*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
34. Trịnh Tiến Việt (2013), *Pháp luật hình sự Việt Nam về miễn trách nhiệm hình sự và thực tiễn áp dụng*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
35. Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và trách nhiệm hình sự*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.